VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ TÀI CHÍNH

Văn bản hợp nhất số 15/VBHN-BTC ngày 09 tháng 5 năm 2018 hợp nhất Thông tư hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ

(Tiếp theo Công báo số 625 + 626)

DANH MỤC MẪU BIỂU

(Kèm theo Văn bản hợp nhất Thông tư hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ, các mẫu biểu của Thông tư số 156/2013/TT-BTC được sửa đổi - bổ sung được ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất)

Mẫu số: **02/HTQT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

GIẤY ĐỀ NGHỊ
KHẤU TRỪ THUẾ NƯỚC NGOÀI VÀO THUẾ PHẢI NỘP TẠI VIỆT NAM THEO HIỆP ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ (*tên Nước/Vùng lãnh thổ ký kết*).....
(Áp dụng cho các tổ chức, cá nhân là đối tượng cư trú của Việt Nam)

Đề nghị đánh dấu (x) vào ô trống thích hợp:
□ *Áp dụng cho tổ chức* □ *Áp dụng cho cá nhân*

I. ĐỐI TƯỢNG ĐỀ NGHỊ

1. Người nộp thuế:

1.1.	Tên đầy đủ:..... *Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề* □ *CMND* □ *Hộ chiếu* □ Số:..... Ngày cấp:...../...../..... tại..... Cơ quan cấp.....			
1.2.	Tên sử dụng trong giao dịch.....			
1.3.	Tư cách pháp lý			
	Pháp nhân	□	*Cá nhân hành nghề độc lập*	□
	Liên danh không tạo pháp nhân	□	*Cá nhân hành nghề phụ thuộc*	□
	Khác *Nêu rõ:*.....	□		
1.4.a.	Địa chỉ tại Việt Nam:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:..... Địa chỉ trên là: *Trụ sở chính* □ *Nhà ở thường trú* □ *Khác* □ *Nêu rõ*:.....			
1.4.b.	Địa chỉ giao dịch tại Việt Nam *(nếu khác với địa chỉ nêu trên)*..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....			
1.5.	Quốc tịch:			
	Việt Nam □	*Nước ký kết* □	*Nước khác*..... □	
1.6.	Mã số thuế tại Việt Nam *(nếu có)*:.....			
1.7.a	Địa chỉ tại Nước ký kết:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:..... Địa chỉ trên là: *Văn phòng* □ *Cơ sở thường trú* □ *Nơi làm việc* □ *Nơi lưu trú* □ *Khác* □ *Nêu rõ*:.....			
1.7.b.	Địa chỉ giao dịch tại Nước ký kết *(nếu khác với địa chỉ nêu trên)*..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....			
1.8.	Mã số thuế tại Nước ký kết (nếu có).....			

2. Đại diện được ủy quyền[1]: ☐

2.1.	Tên đầy đủ:..... *Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề* ☐ *CMND* ☐ *Hộ chiếu* ☐ Số:..... Ngày cấp:...../...../..... tại..... Cơ quan cấp.....			
2.2.	Địa chỉ:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....			
2.3.	Mã số thuế (nếu có):.....			
2.4.	Giấy ủy quyền số:..... ngày.....			
2.5.	Tư cách pháp lý			
	Pháp nhân	☐	*Cá nhân hành nghề phụ thuộc*	☐
	Liên danh không tạo pháp nhân	☐	*Khác* *Nêu rõ:*.....	☐
	Đại lý thuế	☐		

II. ĐỐI TƯỢNG CHI TRẢ THU NHẬP

(Trường hợp nhiều đối tượng chi trả thu nhập, phải lập bảng kê kèm theo Giấy đề nghị này với đầy đủ các thông tin dưới đây)

1.	Tên đầy đủ:..... *Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề* ☐ *CMND* ☐ *Hộ chiếu* ☐ Số:..... Ngày cấp:...../...../..... tại..... Cơ quan cấp.....			
2.	Địa chỉ:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....			
3.	Mã số thuế (nếu có):.....			
4.	Tư cách pháp lý			
	Pháp nhân	☐	*Cá nhân hành nghề phụ thuộc*	☐
	Liên danh không tạo pháp nhân	☐	*Khác* *Nêu rõ:*.....	☐

III. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ

1. Năm đề nghị áp dụng Hiệp định:.....

2. Đối tượng đề nghị khấu trừ thuế đã nộp ở nước ngoài điền các thông tin được ghi tại các mục dưới đây.

2.1.. Số thuế đề nghị khấu trừ trực tiếp.....

- Số thu nhập chịu thuế ở nước ngoài:.....

[1] Trường hợp người nộp thuế ủy quyền cho đại diện hợp pháp thực hiện các thủ tục áp dụng Hiệp định, bên được ủy quyền phải kê khai đầy đủ các thông tin kể cả phần I.2. của Giấy đề nghị này.

- Loại thu nhập:.....
- Thời gian phát sinh thu nhập: .....
- Thuế suất:.....
- Số thuế đã nộp ở nước ngoài: .....

2.2. Số thuế khoán đề nghị khấu trừ: .....
- Số thu nhập nhận được ở nước ngoài thuộc diện khoán thuế:.....
- Loại thu nhập: .....
- Thời gian phát sinh thu nhập: .....
- Thuế suất:.....

2.3. Số thuế đề nghị khấu trừ gián tiếp: .....
- Số thu nhập chịu thuế ở nước ngoài: .....
- Loại thu nhập: .....
- Thời gian phát sinh thu nhập: .....
- Thuế suất:.....
- Số thuế đã nộp ở nước ngoài: .....

IV. THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH PHÁT SINH THU NHẬP LIÊN QUAN ĐẾN SỐ THUẾ ĐỀ NGHỊ ÁP DỤNG HIỆP ĐỊNH

1. Giải trình tóm tắt về giao dịch:

.....

.....

2. Giải trình khác:

.....

3. Tài liệu gửi kèm:

1. .....
2. .....
3. .....

Tôi cam đoan các thông tin, tài liệu đã cung cấp là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, tài liệu này./.

...., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**
Họ và tên:.....	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
Chứng chỉ hành nghề số:.....	*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

Mẫu số: **03/HTQT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

GIẤY ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN SỐ THUẾ ĐÃ NỘP TẠI VIỆT NAM THEO HIỆP ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ... *(tên Nước/Vùng lãnh thổ ký kết)....*
(Dành cho các tổ chức, cá nhân là đối tượng cư trú nước ngoài)

Đề nghị đánh dấu (x) vào ô trống thích hợp:

□ Áp dụng cho tổ chức *□ Áp dụng cho cá nhân*

I. ĐỐI TƯỢNG ĐỀ NGHỊ

1. Người nộp thuế:

1.1.	Tên đầy đủ:..... *Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề* □ *Hộ chiếu* □ Số:..... Ngày cấp:...../...../..... tại..... Cơ quan cấp.....
1.2.	Tên sử dụng trong giao dịch.....
1.3.a	Địa chỉ tại Việt Nam..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:..... Địa chỉ trên là: *Văn phòng ĐD* □ *Cơ sở thường trú* □ *Nơi làm việc* □ *Nơi lưu trú* □ *Khác* □ *Nêu rõ*:.....
1.3.b.	Địa chỉ giao dịch tại Việt Nam *(nếu khác với địa chỉ nêu trên)*..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....
1.4.	Mã số thuế tại Việt Nam *(nếu có)*:.....
1.5.	Thời gian có mặt tại Việt Nam hoặc thực hiện hoạt động tại Việt Nam:.....
1.6.	Địa chỉ tại Nước ký kết:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....
1.7.	Tư cách pháp lý

Pháp nhân	□	*Cá nhân hành nghề độc lập*	□
Liên danh không tạo pháp nhân	□	*Cá nhân hành nghề phụ thuộc*	□
Khác *Nêu rõ*.....	□		

1.8.	Mã số thuế tại Nước ký kết *(nếu có)*.....

2. Đại diện được ủy quyền[1]: □

2.1.	Tên đầy đủ:..... *Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề* □ *CMND* □ *Hộ chiếu* □

[1] Trường hợp đối tượng nộp thuế ủy quyền cho đại diện hợp pháp thực hiện các thủ tục áp dụng Hiệp định, bên được ủy quyền phải kê khai đầy đủ các thông tin kể cả phần I.2. của Giấy đề nghị này.

	Số:..... Ngày cấp:...../...../..... tại..... Cơ quan cấp.....			
2.2.	Địa chỉ:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....			
2.3.	Mã số thuế (nếu có):.....			
2.4.	Tư cách pháp lý			
	Pháp nhân	☐	*Cá nhân hành nghề phụ thuộc*	☐
	Liên doanh không tạo thành pháp nhân	☐	*Khác* *Nêu rõ:.....*	☐
	Đại lý thuế (nếu có)	☐		

II. ĐỐI TƯỢNG CHI TRẢ THU NHẬP

(Trường hợp nhiều đối tượng chi trả thu nhập, phải lập bảng kê kèm theo Giấy đề nghị này)

1.	Tên đầy đủ:..... *Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề* ☐ *CMND* ☐ *Hộ chiếu* ☐ Số:..... Ngày cấp:...../...../..... tại..... Cơ quan cấp.....			
2.	Địa chỉ:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....			
3.	Mã số thuế (nếu có):.....			
4.	Tư cách pháp lý			
	Pháp nhân	☐	*Cá nhân hành nghề phụ thuộc*	☐
	Liên danh không tạo pháp nhân	☐	*Khác* *Nêu rõ:.....*	☐

III. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ

1. Năm đề nghị áp dụng Hiệp định:.....

2. Đối tượng đề nghị, tùy theo mục đích xin áp dụng Hiệp định, lựa chọn và điền các thông tin được ghi tại các mục từ mục a đến b dưới đây.

a. Xác nhận số thuế đã nộp tại Việt Nam: ☐

a.1. Số thu nhập chịu thuế tại Việt Nam: .....

a.2. Loại thu nhập:.....

a.3. Thời gian phát sinh thu nhập:.....

a.4. Số thuế đã nộp:.....

b. Xác nhận số thuế phát sinh tại Việt Nam nhưng không phải nộp do được hưởng ưu đãi thuế: ☐

b.1. Số thu nhập thuộc diện được ưu đãi: .....

b.2. Loại thu nhập: .....

b.3. Thời gian phát sinh thu nhập: .....

b.4. Số thuế/thuế suất ưu đãi:.....

IV. THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH PHÁT SINH THU NHẬP LIÊN QUAN ĐẾN SỐ THUẾ ĐỀ NGHỊ ÁP DỤNG HIỆP ĐỊNH

1. Giải trình tóm tắt về giao dịch:

.....

.....

2. Giải trình khác:

.....

3. Tài liệu gửi kèm:

1. .....
2. .....
3. .....

Tôi cam đoan các thông tin, tài liệu đã cung cấp là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, tài liệu này./.

Ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số: **04/HTQT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỔNG CỤC THUẾ
General Department of Taxation
CỤC THUẾ.....
Tax Department of.....
Số (No.):

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

....., *ngày (day)*..... *tháng (month)*..... *năm (year)*.....

GIẤY XÁC NHẬN THUẾ THU NHẬP ĐÃ NỘP TẠI VIỆT NAM
Certificate of Income Tax Paid in Viet Nam

(Sử dụng cho thuế thu nhập cá nhân hoặc thu nhập doanh nghiệp)
To be used for Personal Income Tax or Business Income Tax

I. NGƯỜI NỘP THUẾ:
TAXPAYER

Đánh dấu (x) vào ô trống thích hợp:

☐ Áp dụng cho tổ chức ☐ Áp dụng cho cá nhân

Tick off (x) in the relevant box: ☐ ***for Entity*** ☐ ***for Individual***

1.	Tên đầy đủ..... *Full name*..... Giấy phép thành lập ☐ CMND ☐ Hộ chiếu ☐ *Incorporation license* *ID* *Passport* Số/*No.*:..... Ngày cấp:...../...../..... tại..... Cơ quan cấp..... *Date of issue: dd/mm/yy in Issuing agency*
2.	Tên sử dụng trong giao dịch..... *Name used in transaction*
3.	Tư cách pháp lý *(Legal status)* Pháp nhân ☐ Cá nhân hành nghề phụ thuộc ☐ *Legal Entity* *Individual practicing dependent service* Liên danh không tạo pháp nhân ☐ Cá nhân hành nghề độc lập ☐ *Partnership not forming legal entity* *Individual practicing independent service* Khác ☐ Nêu rõ:..... *Other* *Specify*
4.	Đối tượng cư trú của nước *Resident of*..... Việt Nam ☐ Nước ký kết ☐ Nước khác ☐ *Viet Nam* *Contracting State* *Other*

5.	Giấy phép kinh doanh tại Việt Nam số *(nếu có):*..... *Number of business license in Viet Nam (if any)*..... Ngày cấp...../...../..... tại..... Cơ quan cấp..... *Date of issue in issuing agency*
6.	Mã số thuế tại Việt Nam *(nếu có)*..... *Tax Identification Number in Viet Nam (if any)*.....
7.	Địa chỉ tại Việt Nam *Address in Viet Nam*..... Số điện thoại/*Tel*:..... Số Fax/*Fax*:..... E-mail:..... Địa chỉ trên là: *This address is*: Trụ sở chính ☐ Nơi làm việc ☐ *Headquarters* *Office* Văn phòng ĐD ☐ Nơi lưu trú ☐ *Representative Office* *Domicile* Cơ sở thường trú ☐ Khác ☐ Nêu rõ:..... *Permanent Establishment* *Other* *Specify*
8.	Địa chỉ tại nước liên quan *(Nước ký kết hoặc nước khác theo thông tin tại điểm I.4):* *Address in relevant State (Contracting State or other in conformity with information in I.4 section)*..... Số điện thoại/*Tel*:..... Số Fax/*Fax*:..... E-mail:..... Địa chỉ trên là: *This address is*: Trụ sở chính ☐ Nơi làm việc ☐ *Headquarters* *Office* Văn phòng ĐD ☐ Nơi lưu trú ☐ *Representative Office* *Domicile* Cơ sở thường trú ☐ Khác ☐ Nêu rõ:..... *Permanent Establishment* *Other* *Specify*

II. XÁC NHẬN SỐ THUẾ ĐÃ NỘP

Certifying tax paid

1. Kỳ tính thuế

Taxable period

từ ngày...../...../..... đến...../...../.....

From dd/mm/yy to dd/mm/yy

2. Thuế đã nộp

Tax paid

Loại thu nhập ***Type of Income***	**Số thu nhập chịu thuế** ***Taxable income***	**Số thuế phải nộp** ***Tax payable***			**Số thuế đã nộp*** ***Tax paid***	**Ngày nộp** ***Due date***
		Số thuế phải nộp ***Total of tax payable***	**Số thuế thực phải nộp** ***Actual tax due***	**Số thuế được miễn giảm** ***Exempted or reduced amount of tax***		
Tổng cộng						

** Tổng số thuế đã nộp bằng chữ (Total tax paid in words):.....*

Cục Thuế tỉnh/thành phố..... xác nhận đã thu (và/hoặc miễn, giảm) số thuế thu nhập của đối tượng nộp thuế nêu trên.

It is hereby certified that the Tax Department of..... has received (and/or granted the exemption, the reduction of) the mentioned income tax amount from (to) the above taxpayer.

CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ.....
Director of Tax Department of.....
(Ký, ghi rõ họ tên, và đóng dấu) - (Sign, name and seal)

Mẫu số: **05/HTQT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỔNG CỤC THUẾ
General Department of Taxation
Cục Thuế.....
Tax Department of.....
Số (No.):

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

....., ngày (day)..... tháng (month)..... năm (year).....

GIẤY XÁC NHẬN THUẾ THU NHẬP ĐÃ NỘP TẠI VIỆT NAM ĐỐI VỚI THU NHẬP TỪ TIỀN LÃI CỔ PHẦN, LÃI TIỀN CHO VAY, TIỀN BẢN QUYỀN HOẶC PHÍ DỊCH VỤ KỸ THUẬT
CERTIFICATE OF TAX PAID ON DIVIDEND, INTEREST, ROYALTY OR TECHNICAL FEE

Cục Thuế tỉnh/thành phố..... xác nhận đã thu (và/hoặc miễn, giảm) số thuế thu nhập của đối tượng nộp thuế dưới đây đối với thu nhập từ:

The Tax Department of..... certifies that it has received (and/or granted the exemption, the reduction of) the income tax amount from (to) the following taxpayer in respect of income on:

Tiền lãi cổ phần ☐ Lãi tiền cho vay ☐ Tiền bản quyền ☐ Phí dịch vụ kỹ thuật ☐
Dividend *Interest* *Royalty* *Technical fee*

Đối tượng thực hưởng *(beneficial owner)*
Tên
(Name):.....
Địa chỉ *(kinh doanh hoặc nơi cư trú)*:.....
Address (of business or resident place)
Mã số thuế (hoặc chứng minh thư/hộ chiếu):.....
Tax identification number (or I.D card/passport)

Đối tượng được ủy quyền nhận thu nhập (trong trường hợp không phải là đối tượng thực hưởng)
Designated person as beneficiary (other than the beneficial owner)
Tên *(Name)*:.....
Địa chỉ (kinh doanh hoặc nơi cư trú):.....
Address (of business or resident place)
Mã số thuế (hoặc chứng minh thư/hộ chiếu):.....
Tax identification number (or I.D card/passport)

Đối tượng trả thu nhập *(Income payer)*
Tên *(Name)*:.....

Địa chỉ (kinh doanh hoặc nơi cư trú):.....
Address (of business or resident place)
Mã số thuế (hoặc chứng minh thư/hộ chiếu):.....
Tax identification number (or I.D card/passport)

Lý do chi trả thu nhập *(reason for which the payment is made)*:

.....
.....
.....
.....

Thu nhập chịu thuế ***Taxable income***	**Số thuế phải nộp** ***Tax payable***			**Số thuế đã nộp*** ***Tax paid***	**Ngày nộp** ***Due date***
	Tổng số thuế phải nộp ***Total of tax payable***	**Số thuế thực phải nộp** ***Actual tax due***	**Số thuế được miễn giảm** ***Exempted or reduced amount of tax***		

* *Số thuế đã nộp bằng chữ (Tax paid amount in words):*.....
.....

CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ.....
Director of Tax Department of.....
(Ký, ghi rõ họ tên, và đóng dấu) - (Sign, name and seal)

Mẫu số: **06/HTQT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
----------&----------

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm....

Kính gửi:.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN CƯ TRÚ CỦA VIỆT NAM
(Dành cho các tổ chức, cá nhân là đối tượng cư trú của Việt Nam)

I. Người nộp thuế:

Đánh dấu (x) vào ô trống thích hợp:

☐ *Áp dụng cho tổ chức* ☐ *Áp dụng cho cá nhân*

1.	Tên đầy đủ:..... *Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề* ☐ *CMND* ☐ *Hộ chiếu* ☐ Số:..... Ngày cấp:...../...../..... tại..... Cơ quan cấp.....
2.	Tên sử dụng trong giao dịch.....
3.	Tư cách pháp lý *Pháp nhân* ☐ *Cá nhân hành nghề độc lập* ☐ *Liên danh không tạo pháp nhân* ☐ *Cá nhân hành nghề phụ thuộc* ☐ *Khác* ☐ *Nêu rõ:*.....
4.a	Địa chỉ tại Việt Nam:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:..... Địa chỉ trên là: *Trụ sở chính* ☐ *Nhà ở thường trú* ☐ *Khác* ☐ *Nêu rõ*.....
4.b.	Địa chỉ giao dịch tại Việt Nam *(nếu khác với địa chỉ nêu trên)*..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....
5.	Quốc tịch: *Việt Nam* ☐ *Nước ký kết* ☐ *Nước khác* ☐.....
6.	Mã số thuế tại Việt Nam *(nếu có)*:.....
7.a	Địa chỉ tại Nước ký kết:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:..... Địa chỉ trên là *Văn phòng ĐD* ☐ *Cơ sở thường trú* ☐ *Nơi làm việc* ☐ *Nơi lưu trú* ☐ *Khác* ☐ *Nêu rõ*.....
7.b.	Địa chỉ giao dịch tại Nước ký kết *(nếu khác với địa chỉ nêu trên)*..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....
8.	Mã số thuế tại Nước ký kết *(nếu có)*:.....

Năm đề nghị xác nhận đối tượng cư trú: từ..... đến.....
Thời gian có mặt tại Việt Nam trong các năm xin xác nhận cư trú *(chỉ áp dụng đối với cá nhân)*
1.....
2.....
3.....
Nguồn thu nhập chủ yếu của bản thân cá nhân trong các năm nói trên phát sinh từ ***(chỉ áp dụng đối với cá nhân)***:

Việt Nam ☐ Nước ký kết ☐ Nước khác ☐.....

II. Đại diện được ủy quyền[1]: ☐

1.	Tên đầy đủ:..... *Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề* ☐ *CMND* ☐ *Hộ chiếu* ☐ Số:..... Ngày cấp:...../...../..... tại..... Cơ quan cấp.....			
2.	Địa chỉ giao dịch:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....			
3.	Mã số thuế *(nếu có)*:.....			
4.	Tư cách pháp lý			
	Pháp nhân	☐	*Cá nhân hành nghề phụ thuộc*	☐
	Liên danh không tạo pháp nhân	☐	*Khác*	☐
	Đại lý thuế (nếu có)	☐	*Nêu rõ:*.....	

Tài liệu gửi kèm:

1.....
2.....
3.....

Tôi cam đoan các thông tin, tài liệu đã cung cấp là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, tài liệu này./.

...., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

[1] Trường hợp người nộp thuế ủy quyền cho đại diện hợp pháp thực hiện các thủ tục áp dụng Hiệp định, bên được ủy quyền phải kê khai đầy đủ các thông tin kể cả phần II của Giấy đề nghị này.

Mẫu số: **07/HTQT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỔNG CỤC THUẾ
GENERAL DEPARTMENT OF TAXATION
CỤC THUẾ.....
TAX DEPARTMENT OF
Số/No.:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN CƯ TRÚ
RESIDENCE CERTIFICATE

Tên đối tượng:.....
Name:.....

Mã số đăng ký thuế *(nếu có)*.....
Tax Identification Number (if any).....

Địa chỉ:.....
Address:.....

Thể theo Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và..... về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập, chúng tôi xác nhận rằng đối tượng nêu trên là đối tượng cư trú của Việt Nam dưới giác độ thuế theo luật của nước Cộng hòa hội chủ nghĩa Việt Nam và phù hợp với quy định tại Hiệp định nói trên trong thời gian từ..... đến.....

In compliance with the Agreement between the Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of..... for the Avoidance of Double Taxation and Prevention of Fiscal Evasion with respect to Taxes on Income, it is hereby certified that the above-mentioned person is, by the laws of the Socialist Republic of Vietnam and in accordance with this Agreement, a resident of Vietnam for the taxation purposes for the period from..... to.....

..... Ngày..... tháng..... năm.....
Day..... month..... year
(Ký tên) (Signature)
(Chức vụ người ký) (Designation)

Mẫu số: **01/MGTH**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ MIỄN (GIẢM) THUẾ

Kính gửi:... (*Tên cơ quan thuế*).....

Tên người nộp thuế:.....
Mã số thuế: .....
Địa chỉ: .....
Quận/huyện:..... Tỉnh/thành phố:.....
Điện thoại:..... Fax:..... E-mail: .....

Đề nghị được miễn (giảm) thuế với lý do và số thuế miễn (giảm) cụ thể như sau:

1. Lý do đề nghị miễn (giảm) thuế:

- .....

(Ghi rõ loại thuế đề nghị miễn (giảm); căn cứ pháp lý và căn cứ thực tế để đề nghị miễn (giảm) thuế: thuộc đối tượng, trường hợp được miễn (giảm) nào, lý do cụ thể như: thiên tai, địch họa, tai nạn bất ngờ (ghi cụ thể số tài sản bị thiệt hại, số lỗ)... Trường hợp đề nghị miễn (giảm) thuế tài nguyên thì cần ghi rõ thêm loại tài nguyên, địa điểm, hình thức khai thác, nơi tiêu thụ).

2. Xác định số thuế được miễn:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại thuế đề nghị miễn (giảm)	Kỳ tính thuế	Số tiền thuế đề nghị miễn (giảm)	Số tiền thuế đã nộp (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1.	Thuế Thu nhập doanh nghiệp			
2.	Thuế Tiêu thụ đặc biệt			
....	.....			
	Cộng			

3. Tài liệu gửi kèm: *(ghi rõ tên tài liệu, bản chính hay bản sao)*
(1).....
(2).....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(*Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)*)

Xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn:

Xác nhận của cơ quan kiểm lâm trực tiếp quản lý rừng:
(đối với cá nhân, hộ gia đình)

Mẫu số: **02/MGTH**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH MỨC ĐỘ, GIÁ TRỊ THIỆT HẠI VỀ TÀI SẢN

Căn cứ...
Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....
Tại: .....
Chúng tôi gồm:
1..... Chức vụ:.....;
2..... Chức vụ:.....;
Cá nhân/tổ chức có tài sản bị thiệt hại là:
Tên cá nhân/tổ chức:.....- Mã số thuế:.....;
Giấy CMND/Hộ chiếu/Chứng nhận đăng ký kinh doanh/Chứng nhận đăng ký hoạt động số:..... do..... cấp ngày .....
Địa chỉ: .....
Với sự chứng kiến của:
1. Ông (bà)..... Nghề nghiệp:.....;
Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....;
Địa chỉ thường trú: .....;
2. Ông (bà)..... Nghề nghiệp:.....;
Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....;
Địa chỉ thường trú: .....;
Tiến hành lập biên bản xác định mức độ, giá trị tài sản bị thiệt hại như sau:

1. Nguyên nhân gây thiệt hại:
(Nêu rõ sự kiện, địa điểm và thời điểm xảy ra sự kiện gây thiệt hại)
.....

2. Xác định mức độ, giá trị thiệt hại về tài sản:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên tài sản	Số lượng	Giá trị thiệt hại	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1				
....	.....			
	Tổng cộng			

Biên bản này gồm có..... trang, được lập thành..... bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký xác nhận vào từng trang của biên bản hoặc có ý kiến bổ sung khác (nếu có) như sau:.....

CÁ NHÂN HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CÓ TÀI SẢN BỊ THIỆT HẠI
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **03/MGTH**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 05/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN **TÊN CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-.....	....., *ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc miễn (giảm) thuế cho.... *(tên người nộp thuế)....*
(được bãi bỏ)[46]

[46] Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 19 Thông tư số 76/2014/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014 và khoản 3 Điều 20 Thông tư số 77/2014/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

Mẫu số: 04/MGTH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN **TÊN CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../TB-.....	....., *ngày..... tháng..... năm.....*

THÔNG BÁO

Về việc người nộp thuế không thuộc diện được miễn thuế (giảm thuế)

Kính gửi:.....
Mã số thuế:.....
Địa chỉ nhận thông báo:.....

Căn cứ Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn hiện hành,

Sau khi xem xét văn bản đề nghị miễn thuế, giảm thuế số..... ngày... tháng... năm... kèm theo hồ sơ của.....*(tên người nộp thuế, mã số thuế, địa chỉ*),

... (*Tên cơ quan thuế*)..... thông báo:

Trường hợp của.....*(tên người nộp thuế*)..... không đủ điều kiện được miễn giảm thuế. Lý do:

1.....
2.....
...

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với cơ quan thuế..... theo số điện thoại:..... địa chỉ:..... hoặc có văn bản gửi cơ quan Thuế trực tiếp quản lý.

... (*Tên cơ quan thuế*)..... thông báo để người nộp thuế được biết./.

***Nơi nhận*:** - Như trên; ..... - Lưu VT;....	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Mẫu số: **01/MTPDTA**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

THÔNG BÁO MIỄN, GIẢM THUẾ THEO ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

1. Người đề nghị: .....
Địa chỉ: .....
Số điện thoại (Tel):.....
Số Fax (Fax):..... E-mail:.....

2. Đại diện được ủy quyền: (*trường hợp nhà thầu nước ngoài ủy quyền cho một tổ chức hoặc cá nhân Việt Nam thực hiện các thủ tục thông báo miễn, giảm thuế*).
Tên đầy đủ (viết hoa): .....
Số Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hành nghề số: .....
Ngày cấp:...../...../.....Cơ quan cấp .....
Địa chỉ: .....
Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail: .....
Mã số thuế: .....
Giấy ủy quyền số:..... ngày..... tháng..... năm.....

3. Thông tin về giao dịch phát sinh đề nghị miễn thuế:

3.1. (Giải trình tóm tắt về hoạt động kinh doanh/giao dịch phát sinh doanh thu. Nêu rõ hoạt động kinh doanh/giao dịch thuộc phạm vi miễn, giảm thuế quy định tại Điều khoản cụ thể nào của Điều ước quốc tế):

.....

3.2. Giải trình khác:

.....

4. Tài liệu gửi kèm:
i) Bản chụp Điều ước quốc tế;
ii) Bản chụp hợp đồng với Bên Việt Nam;
iii) Bản dịch tóm tắt hợp đồng;
iv) Giấy ủy quyền[1].

Tôi cam đoan các thông tin, tài liệu đã cung cấp là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin và tài liệu này./.

....., ngày..... tháng..... năm.....
ĐẠI DIỆN CÔNG TY
(ĐẠI DIỆN NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN)
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

[1] Giấy ủy quyền cần có đủ chữ ký của đại diện hai Bên. Không cần công chứng hoặc chứng thực.

PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN ĐỀ XUẤT KÝ KẾT ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ
Tên Cơ quan:.....
Xác nhận:
1..... (Tên Điều ước quốc tế)..... được ký ngày...../...../..... Cho đến nay..... (Tên Điều ước quốc tế)..... đã hết/vẫn còn hiệu lực thi hành.
2. Các khoản thu nhập của..... (Tên nhà thầu nước ngoài)....., địa chỉ:..... tại Hợp đồng (Tên hợp đồng kinh tế ký kết giữa nhà thầu nước ngoài và Bên Việt Nam) (đề nghị liệt kê chi tiết các khoản thu nhập nhà thầu nước ngoài thu được từ Hợp đồng ký với Bên Việt Nam - nếu có) được quy định tại Điều..., Khoản... của Hợp đồng thuộc phạm vi miễn, giảm thuế quy định tại Điều..., Khoản... của Điều ước quốc tế nêu trên.

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 01/XOANO
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN **TÊN CƠ QUAN THUẾ BAN HÀNH VĂN BẢN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..... V/v đề nghị xóa nợ tiền thuế	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

Kính gửi:... (*Tên cơ quan cấp trên*)...

Căn cứ Điều 65 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Khoản 20, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012.

... (*Tên cơ quan thuế ban hành văn bản*)... đề nghị xóa nợ tiền thuế, tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền phạt cho... (số lượng) người nộp thuế chi tiết theo bảng kê đính kèm công văn.

... (*Tên cơ quan thuế ban hành văn bản*)... gửi kèm Công văn này hồ sơ đề nghị xóa nợ cho người nộp thuế.

Đề nghị... (*Tên cơ quan cấp trên*)... giải quyết theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận*:** - Như trên; - ...; - Lưu: VT,....	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ BAN HÀNH VĂN BẢN** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Mẫu số 02/XOANO
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN **TÊN CƠ QUAN THUẾ BAN HÀNH THÔNG BÁO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../TB-... V/v bổ sung hồ sơ đề nghị xóa nợ tiền thuế	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

Kính gửi:... (*Tên cơ quan thuế đề nghị*)...

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi bổ sung Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Sau khi xem xét hồ sơ đề nghị xóa nợ tiền thuế, tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền phạt (gọi tắt là tiền thuế) kèm theo Công văn số..... ngày.../.../..... của... *(Tên cơ quan thuế đề nghị)*...

... (*Tên cơ quan thuế ban hành thông báo*)... thông báo:

Hồ sơ đề nghị xóa nợ tiền thuế của... (*Tên cơ quan thuế đề nghị*)... không đầy đủ theo quy định, cụ thể còn thiếu những nội dung và tài liệu sau đây:

.....

(Liệt kê những nội dung và tài liệu còn thiếu)

.....

Đề nghị... (*Tên cơ quan thuế đề nghị*)... bổ sung hồ sơ và gửi về... *(Tên cơ quan thuế ban hành thông báo)*... trước ngày.../..../....

Trường hợp không bổ sung được các tài liệu nêu trên... (*Tên cơ quan thuế đề nghị*)... có trách nhiệm đôn đốc người nộp thuế nộp đầy đủ tiền thuế nợ vào Ngân sách Nhà nước.

... (*Tên cơ quan thuế ban hành thông báo*)... thông báo để... (*Tên cơ quan thuế đề nghị*)... biết và thực hiện./.

***Nơi nhận*:** - Như trên; - .....; - Lưu: VT,...	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ BAN HÀNH THÔNG BÁO** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Mẫu số 03/XOANO
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/TP...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.../QĐ-UBND

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xóa nợ tiền thuế, tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền phạt cho... *(tên người nộp thuế)***...**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/TP...

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

Căn cứ các Luật thuế, Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều 48 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, thành phố.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xóa nợ tiền thuế, tiền phạt của..... (*tên người nộp thuế*)..., mã số thuế... tính đến thời điểm ngày.../.../... do... (*nêu lý do xóa nợ*)... với tổng số tiền là:... đồng (viết bằng chữ:...), trong đó (chi tiết theo từng loại thuế):

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	Loại thuế	Số tiền
1		
2		
...		

Các khoản tiền thuế, tiền phạt được xóa nợ nêu trên thì đồng thời được xóa khoản tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền chậm nộp tiền phạt phát sinh từ khoản tiền thuế, tiền phạt được xóa.

Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, thành phố..... chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu và các thông tin liên quan của hồ sơ đề nghị xóa nợ thuế.

Điều 2. Căn cứ vào số thuế được xóa nợ nêu tại Điều 1 trên đây, Cục Thuế tỉnh, thành phố/Chi cục Thuế... điều chỉnh lại số tiền thuế nợ của... (*tên người nộp thuế*)...

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, thành phố....và (hoặc) Chi cục trưởng Chi cục Thuế... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở TC tỉnh, TP....;
- Tổng cục Thuế;
- ....;
- Lưu: VT,...

CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 04/XOANO
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.../QĐ-TCT

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xóa nợ tiền thuế, tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền phạt cho... *(tên người nộp thuế)***...**

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THUẾ

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

Căn cứ các Luật thuế, Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều 48 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xóa nợ tiền thuế, tiền phạt của..... (*tên người nộp thuế*)..., mã số thuế... tính đến thời điểm ngày.../.../... do... (*nêu lý do xóa nợ*)... với tổng số tiền là:... đồng (viết bằng chữ:...), trong đó (chi tiết theo từng loại thuế):

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	Loại thuế	Số tiền
1		
2		
...		

Các khoản tiền thuế, tiền phạt được xóa nợ nêu trên thì đồng thời được xóa khoản tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền chậm nộp tiền phạt phát sinh từ khoản tiền thuế, tiền phạt được xóa.

Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, thành phố... chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu và các thông tin liên quan của hồ sơ đề nghị xóa nợ.

Điều 2. Căn cứ vào số thuế được xóa nợ nêu tại Điều 1 trên đây, Cục Thuế tỉnh, thành phố/Chi cục Thuế..... điều chỉnh lại số tiền thuế nợ của... (*tên người nộp thuế*)...

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Vụ trưởng Vụ Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, thành phố.... và (hoặc) Chi cục trưởng Chi cục Thuế... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- UBND tỉnh, TP...;
- Sở TC tỉnh, TP....;
- ...;
- Lưu: VT,....

TỔNG CỤC TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 05/XOANO
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.../QĐ-BTC

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xóa nợ tiền thuế, tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền phạt cho... *(tên người nộp thuế)*...

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

Căn cứ các Luật thuế, Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều 48 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xóa nợ tiền thuế, tiền phạt của..... (*tên người nộp thuế*)..., mã số thuế... tính đến thời điểm ngày.../.../... do... (*nêu lý do xóa nợ*)... với tổng số tiền là:... đồng (viết bằng chữ:...), trong đó (chi tiết theo từng loại thuế):

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	Loại thuế	Số tiền
1		
2		
...		

Các khoản tiền thuế, tiền phạt được xóa nợ nêu trên thì đồng thời được xóa khoản tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền chậm nộp tiền phạt phát sinh từ khoản tiền thuế, tiền phạt được xóa.

Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu và các thông tin liên quan của hồ sơ đề nghị xóa nợ.

Điều 2. Căn cứ vào số thuế được xóa nợ nêu tại Điều 1 trên đây, Cục Thuế tỉnh, thành phố/Chi cục Thuế..... điều chỉnh lại số tiền thuế nợ của... (*tên người nộp thuế*)...

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, thành phố.... và (hoặc) Chi cục trưởng Chi cục Thuế... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- UBND tỉnh, TP...;
- Sở TC tỉnh, TP....;
- ...;
- Lưu: VT,...

BỘ TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 06/XOANO
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-TTg

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xóa nợ tiền thuế, tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền phạt cho... *(tên người nộp thuế)***...**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

Căn cứ các Luật thuế, Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều 32 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xóa nợ tiền thuế, tiền phạt của..... (*tên người nộp thuế*)..., mã số thuế... tính đến thời điểm ngày.../.../... do... (*nêu lý do xóa nợ*)... với tổng số tiền là:... đồng (viết bằng chữ:...), trong đó (chi tiết theo từng loại thuế):

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	Loại thuế	Số tiền
1		
2		
...		

Các khoản tiền thuế, tiền phạt được xóa nợ nêu trên thì đồng thời được xóa khoản tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền chậm nộp tiền phạt phát sinh từ khoản tiền thuế, tiền phạt được xóa.

Bộ trưởng Bộ Tài chính chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu và các thông tin liên quan của hồ sơ đề nghị xóa nợ.

Điều 2. Căn cứ vào số thuế được xóa nợ nêu tại Điều 1 trên đây, Cục Thuế tỉnh, thành phố/Chi cục Thuế..... điều chỉnh lại số tiền thuế nợ của... (*tên người nộp thuế*)...

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bộ trưởng Bộ Tài chính, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, thành phố.... và (hoặc) Chi cục trưởng Chi cục Thuế... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- UBND tỉnh, TP...;
- Sở TC tỉnh, TP....;
- ...;
- Lưu: VT,...

THỦ TƯỚNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: **07/XOANO**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN **TÊN CƠ QUAN THUẾ** **BAN HÀNH THÔNG BÁO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../TB-... V/v không thuộc trường hợp được xóa nợ tiền thuế	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

Kính gửi:... (*Tên cơ quan thuế đề nghị*)...

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Sau khi xem xét hồ sơ đề nghị xóa nợ tiền thuế, tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền phạt (gọi tắt là tiền thuế) kèm theo công văn số... ngày.../.../... của *(tên cơ quan thuế đề nghị)*...

... (*Cơ quan thuế ban hành thông báo*)... thông báo:

Trường hợp của...*(tên người nộp thuế*)... không đủ điều kiện được xóa nợ tiền thuế. Lý do:

1.....

2.....

...

Người nộp thuế có nghĩa vụ nộp đầy đủ số tiền thuế nợ vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

... (*Cơ quan thuế ban hành thông báo*)... thông báo để... (*cơ quan thuế đề nghị*)... được biết và hướng dẫn người nộp thuế thực hiện./.

***Nơi nhận*:** - Như trên; - ....*(tên người nộp thuế)...;* - ...; - Lưu: VT,....	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ BAN HÀNH THÔNG BÁO** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
.....
Số:...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
..., ngày... tháng... năm...

Mẫu số: 01/ĐNHT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

GIẤY ĐỀ NGHỊ
HOÀN TRẢ KHOẢN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

[01] Trường hợp hoàn thuế trước, kiểm tra sau: ☐
Trường hợp kiểm tra trước, hoàn thuế sau: ☐

Kính gửi:..... (tên cơ quan thu, cơ quan có thẩm quyền hoàn trả).....

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị hoàn trả:
[02] Tên người nộp thuế: .....
[03] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐
[04] CMND/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:..... Quốc tịch: .....
[05] Địa chỉ:.....
[06] Quận/huyện:..... [07] Tỉnh/thành phố:.....
[08] Điện thoại:..... [09] Fax:..... [10] Email:.....
[11] Tên đại lý thuế (nếu có): .....
[12] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐
[13] Địa chỉ:.....
[14] Quận/huyện:..... [15] Tỉnh/thành phố:.....
[16] Điện thoại:..... [17] Fax:..... [18] Email:.....
[19] Hợp đồng đại lý thuế số:..... ngày.....

II. Nội dung đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước (NSNN):

1. Thông tin về khoản thu đề nghị hoàn trả: *Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam*

Số TT	Loại thuế	Kỳ tính thuế	Số tiền thuế nộp thừa (tính đến thời điểm đề nghị hoàn)	Số thuế GTGT chưa khấu trừ hết đã đề nghị hoàn trên tờ khai thuế GTGT	Số tiền đề nghị hoàn	Lý do đề nghị hoàn trả
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Tổng cộng						

2. Hình thức đề nghị hoàn trả:

2.1. Bù trừ cho khoản phải nộp NSNN:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Khoản phải nộp NSNN (loại thuế, khoản phạt)	Cơ quan thu			Thời gian phát sinh khoản phải nộp (Kỳ tính thuế)	Quyết định thu/ Tờ khai hải quan		Nộp vào tài khoản		Số tiền
		Cơ quan thuế	Cơ quan Hải quan	Cơ quan khác		Số	Ngày	Thu NSNN	Tạm thu	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
Cộng theo loại thuế, cơ quan thu, kỳ tính thuế										
	TỔNG CỘNG									

Tổng số tiền nộp NSNN ghi bằng chữ:.....

2.2. Hoàn trả trực tiếp:

Số tiền hoàn trả: Bằng số:..... Bằng chữ: .....
.....

Hình thức hoàn trả:

☐ Chuyển khoản: Tài khoản số:..... Tại Ngân hàng (KBNN).....

☐ Tiền mặt: Nơi nhận tiền hoàn thuế: Kho bạc Nhà nước.....

III Tài liệu gửi kèm: (ghi rõ tên tài liệu, bản chính, bản sao)

1 .....
2 .....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

	NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
Họ và tên:.....	*Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)*
Chứng chỉ hành nghề số:.....	

Ghi chú:

- Kỳ thuế: Trường hợp đề nghị hoàn thuế cho nhiều tháng, năm thì ghi rõ từ tháng... năm... đến tháng... năm... có liên quan.

- "Lý do đề nghị hoàn trả": Ghi rõ đề nghị hoàn theo quy định tại Điểm, Khoản, Điều của văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- "Quyết định thu/Tờ khai hải quan": Ghi Quyết định hành chính của cơ quan có thẩm quyền hoặc tờ khai hải quan có nợ thuế chưa nộp NSNN.

- "Nộp vào tài khoản": Đánh dấu "V" vào cột tài khoản có liên quan.

- KBNN: Kho bạc Nhà nước.

- NSNN: Ngân sách Nhà nước.

- GTGT: Giá trị gia tăng.

Mẫu số: **01-1/ĐNHT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ MUA VÀO
(Kèm theo Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu NSNN số... ngày... tháng... năm...)
(được bãi bỏ)[47]

[47] Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 26/2015/TT-BTC hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Mẫu số: **01-2/ĐNHT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG CỦA HÀNG HÓA, DỊCH VỤ MUA VÀO DÙNG CHO CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NGOẠI GIAO
Cơ quan lãnh sự, Cơ quan đại diện của Tổ chức Quốc tế tại Việt Nam (*)
(Kèm theo Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu NSNN số... ngày...)

Form No: *01-2/ĐNHT*
A list of Value-added Tax refund over goods and services purchased by Diplomatic Missions, Consular posts, Representative Offices of International organizations in Vietnam (*)
(Attached to the Notice of preposal for Refund of tax collected No..... dated.....)

- Cơ quan đại diện *(Mission)*:.....
- Trụ sở tại *(address)*:.....
- Mã số thuế *(tax code)*:.....
- Đề nghị được hoàn thuế GTGT vào tài khoản số..... tại ngân hàng..... cho những hàng hóa, dịch vụ hoặc cho xăng dùng cho xe cơ quan mang biển số:..... mua trong quý... năm... dùng cho cơ quan.

(*request to refund VAT at the account No..... in the bank..... over goods and services or carburant for vehicle Plate No..... purchased on quarter... year... by the Mission)*

Đơn vị tiền (currency unit): Đồng Việt Nam (Vietnamese dong)

Số TT *(No)*	Hóa đơn *(Invoice)*				Tên và mã số thuế nhà cung cấp *(Supplier's name & tax code)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of purchased goods & services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Doanh số mua chưa có thuế GTGT *(Purchased price without VAT)*	Tiền thuế GTGT *(Refundable tax)*	Cục Lễ tân duyệt về danh mục, số lượng hàng hóa, dịch vụ *(Certification of the Protocol Department about kind and quantity of goods and services)*
	Mẫu số *(Template no)*	Ký hiệu *(Symbol)*	Số *(No)*	Ngày, tháng, năm phát hành *(Date of release)*							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	...										
...	...										
								Cộng *(Total)*			

Trưởng cơ quan đại diện hoặc
Phó trưởng Cơ quan đại diện ký xác nhận, đóng dấu
(Signed by Head or Deputy Head of Mission and stamp)

Cục Lễ tân Nhà nước trực thuộc Bộ ngoại giao xác nhận người khai được hoàn thuế GTGT đối với:

- xăng, dầu diezel theo tiêu chuẩn định lượng dành cho xe cơ quan cho xe ô-tô mang biển số nêu trên.
- hàng hóa, dịch vụ nêu trên trừ những hàng hóa dịch vụ mua trong hóa đơn số:.....

The Protocol Department-MOFA certifies that the Mission enjoys VAT refund for:

- over carburant according to the Mission's vehicle quota for the above mentioned Vehicle Plate No

- over goods or services mentioned above except for those of invoice(s) No:.....

..... , ngày... tháng... năm...
....., date... month... year..

Cục trưởng Cục Lễ tân Nhà nước
Director of Protocol Department

(*) - Khai và gửi Cục Lễ tân Nhà nước trực thuộc Bộ ngoại giao 3 bản. *(Please fill in triplicate and send them to the Protocol Department of MOFA)*

- Trong trường hợp đề nghị hoàn thuế GTGT cho xăng xe ô-tô. Khai riêng xăng dùng cho từng xe.

(Please fill in separate application per vehicle in case the Mission request to refund VAT over carburant for vehicle)

Ghi chú (Note): *GTGT: giá trị gia tăng*

(VAT: Value-added Tax)

Mẫu số: **01-3/ĐNHT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG CỦA HÀNG HÓA, DỊCH VỤ MUA VÀO DÙNG CHO VIÊN CHỨC NGOẠI GIAO VIỆT NAM (*)
(Kèm theo Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu NSNN số..... ngày...)

Form No: 01-3/ĐNHT
A list of Value-added Tax refund over goods and services purchased by Diplomatic staff in Vietnam (*)
(Attached to the Notice of preposal for Refund of tax collected No..... dated.....)

- Ông/Bà *(Mr/Ms):*.....
- Cơ quan công tác *(Mission)*:..... Chức vụ *(Position)*.....
- Chứng minh thư số *(ID card No):*.....

Ngày cấp *(date of issue)*..... Ngày hết hạn (date of expiry)

- Mã số thuế *(tax code):*.....
- Đề nghị được hoàn thuế GTGT vào tài khoản số..... tại ngân hàng..... cho những hàng hóa, dịch vụ hoặc cho xăng dùng (cho xe cá nhân mang biển số:.....) mua trong quý... năm... dùng dùng cho viên chức ngoại giao.

(request to refund VAT at the account No..... in the bank..... over goods and services or carburant (for personal vehicle Plate No.....) purchased on quarter... year.... by the Diplomatic staff)

Đơn vị tiền (currency unit): Đồng Việt Nam (Vietnamese dong)

Số TT *(No)*	**Hóa đơn** *(Invoice)*				**Tên và mã số thuế nhà cung cấp** *(Supplier's name & tax code)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Name of purchased goods & services)*	**Đơn vị tính** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Doanh số mua chưa có thuế GTGT** *(Purchased price without VAT)*	**Tiền thuế GTGT** *(Refundable tax)*	**Cục Lễ tân duyệt về danh mục, số lượng hàng hóa, dịch vụ** *(Certification of the Protocol Department about kind and quantity of goods and services)*
	Mẫu số *(Template no)*	**Ký hiệu** *(Symbol)*	**Số** *(No)*	**Ngày, tháng, năm phát hành** *(Date of release)*							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	...										
...	...										
								Cộng *(Total)*			

Trưởng cơ quan đại diện hoặc
Phó trưởng Cơ quan đại diện ký xác nhận, đóng dấu
(Signed by Head or Deputy Head of Mission and stamp)

Cục Lễ tân Nhà nước trực thuộc Bộ ngoại giao xác nhận người khai được hoàn thuế GTGT đối với:

- xăng, dầu diezel theo tiêu chuẩn định lượng cho xe ô-tô mang biển số nêu trên;
- hàng hóa, dịch vụ nêu trên trừ những hàng hóa dịch vụ mua trong hóa đơn số:.....

The Protocol Department-MOFA certifies that the Diolomatic staff enjoys VAT refund for:

- over carburant according to the quota for the above-mentioned Vehicle Plate No

- over goods or services mentioned above except for those of invoice(s)No:.....

....., ngày... tháng... năm...
....., date... month... year..

Cục trưởng Cục Lễ tân Nhà nước
Director of Protocol Department

Ghi chú (Note):

(*) - Khai và gửi Cục Lễ tân Nhà nước Bộ ngoại giao 3 bản. (Please fill in triplicate and send them to the Protocol Department of MOFA)

- GTGT: giá trị gia tăng

(VAT: Value-added Tax)

Mẫu số: **01-4/ĐNHT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ HỒ SƠ HÀNG HÓA NHẬP KHẨU
(Kèm theo Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu NSNN số... ngày... tháng... năm...)
[01] Kỳ phát sinh khoản đề nghị hoàn: từ.... đến...

[02] Tên người nộp thuế:.....
[03] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |
[04] Tên đại lý thuế:.....
[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Hợp đồng nhập khẩu				Tờ khai hàng hóa nhập khẩu				Ghi chú
	Số	Ngày	Trị giá		Tờ khai số	Ngày đăng ký	Trị giá		
			Ngoại tệ	Đồng Việt Nam			Ngoại tệ	Đồng Việt Nam	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

Ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:
- Cột "Tờ khai số" ghi đầy đủ chữ số và ký hiệu của Tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.
- Cột "Ngày đăng ký" ghi rõ ngày tháng năm đăng ký Tờ khai hàng hóa xuất nhập khẩu.
- Cột "Ngoại tệ" ghi rõ số tiền và đồng tiền thanh toán đối với ngoại tệ; cột "Đồng Việt Nam" ghi rõ số tiền thanh toán nếu đồng tiền thanh toán là Đồng Việt Nam (trường hợp trên tài liệu có ghi cả hai đồng tiền thanh toán là ngoại tệ và Đồng Việt Nam thì phải ghi vào cả 2 cột này)

Mẫu số: **02/ĐNHT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

GIẤY ĐỀ NGHỊ HOÀN THUẾ THEO HIỆP ĐỊNH TRÁNH ĐÁNH THUẾ HAI LẦN GIỮA VIỆT NAM VÀ *(tên nước, vùng, lãnh thổ ký kết)*

Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân là đối tượng cư trú của:

Việt Nam ☐ ***Nước ngoài*** ☐

Đề nghị đánh dấu (x) *vào ô trống thích hợp:*

1. Người được hoàn thuế:☐

	A. Tổ chức: ☐ **B. Cá nhân:** ☐
1.1.	Tên đầy đủ:..... *Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh* ☐ *Hộ chiếu* ☐ *CMND* ☐ Số:..... Ngày cấp:...../...../..... tại..... Cơ quan cấp.....
1.2.	Tên sử dụng trong giao dịch.....
1.3.	Tư cách pháp lý

Pháp nhân	☐	*Cá nhân hành nghề độc lập*	☐
Liên danh không tạo pháp nhân	☐	*Cá nhân hành nghề phụ thuộc*	☐
Khác *Nêu rõ:*.....	☐		

1.4. a.	Địa chỉ tại Việt Nam:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:..... Địa chỉ trên là: *Trụ sở chính* ☐ *Nhà ở thường trú* ☐ *Khác* ☐ *Nêu rõ*:.....
1.4.b.	Địa chỉ giao dịch tại Việt Nam *(nếu khác với địa chỉ nêu trên)*..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....
1.5.	Quốc tịch:

Việt Nam ☐	*Nước ký kết* ☐	*Nước khác* ☐.....

1.6.	Mã số thuế tại Việt Nam *(nếu có)*:.....
1.7.a	Địa chỉ tại Nước ký kết:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:..... Địa chỉ trên là: *Văn phòng đại diện* ☐ *Cơ sở thường trú* ☐ *Nơi làm việc* ☐ *Nơi lưu trú* ☐ *Khác* ☐ *Nêu rõ:*.....
1.7.b.	Địa chỉ giao dịch tại Nước ký kết *(nếu khác với địa chỉ nêu trên)*..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....
1.8.	Mã số thuế tại Nước ký kết (nếu có).....
1.9.	*Thời gian có mặt tại Việt Nam hoặc thực hiện hoạt động tại Việt Nam (đối với các tổ chức, cá nhân là đối tượng cư trú của nước ngoài):*.....

2. Đại diện được ủy quyền[1]: □

2.1.	Tên đầy đủ:..... *Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh* □ *Hộ chiếu* □ *CMND* □ Số:..... Ngày cấp:...../...../..... tại..... Cơ quan cấp.....			
2.2.	Địa chỉ:..... Số điện thoại:..... Số Fax:.....E-mail:.....			
2.3	Mã số thuế (nếu có):.....			
2.4.	Tư cách pháp lý			
	Pháp nhân	□	*Cá nhân hành nghề phụ thuộc*	□
	Liên danh không tạo pháp nhân	□	*Khác* *Nêu rõ:*.....	□
	Đại lý thuế (nếu có)	□		

3. Nội dung đề nghị hoàn thuế:

3.1. Năm đề nghị áp dụng Hiệp định:.....

3.2. Số thu nhập thuộc diện miễn, giảm theo Điều.....

STT	Khoản thu đề nghị hoàn trả (loại thuế)	Thời gian phát sinh khoản đề nghị hoàn (Kỳ tính thuế)	Số đã nộp đề nghị hoàn
(1)	(2)	(3)	(4)
Tổng cộng			

Số tiền đề nghị hoàn trả: Bằng số: ..... Bằng chữ:.....

3.3 Hình thức đề nghị hoàn trả:

3.3.a Bù trừ cho khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước:

STT	Khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước (loại thuế)	Cơ quan Thu		Thời gian phát sinh khoản phải nộp (Kỳ tính thuế)	Quyết định thu/Tờ khai hải quan		Nộp vào tài khoản		Số tiền
		Cơ quan thuế	Cơ quan Hải Quan		Số	Ngày	Thu Ngân sách Nhà nước	Tạm thu	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
Cộng theo loại thuế, cơ quan thu, kỳ thuế									
TỔNG CỘNG									

Tổng số tiền nộp Ngân sách Nhà nước ghi bằng chữ:.....

[1] Trường hợp người nộp thuế ủy quyền cho đại diện hợp pháp thực hiện thủ tục áp dụng Hiệp định, bên ủy quyền và bên được ủy quyền phải thực hiện các quy định về công chứng và chứng thực của pháp luật hiện hành, đồng thời bên được ủy quyền phải kê khai đầy đủ các thông tin tại phần 1 và 2 của Giấy đề nghị này.

3.3.b Hoàn trả trực tiếp:

Số tiền hoàn trả: Bằng số:..... Bằng chữ:.....

Hoàn trả bằng: Tiền mặt: ☐ Chuyển khoản: ☐

Chuyển tiền vào tài khoản số:..... Tại Ngân hàng (Kho bạc Nhà nước):.....

(hoặc) Người nhận tiền: Số CMND/Hộ chiếu:..... cấp ngày..... tại.....

4. Thông tin về giao dịch phát sinh thu nhập liên quan đến số thuế đề nghị áp dụng Hiệp định:

4.1. Giải trình tóm tắt về giao dịch:

.....

4.2. Giải trình khác:

.....

4.3. Tài liệu gửi kèm (ghi rõ tên tài liệu, bản chính, bản sao):

1.....

2.....

Tôi cam đoan các thông tin, tài liệu đã cung cấp là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, tài liệu này./.

...., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

- "Quyết định thu/Tờ khai hải quan": Ghi Quyết định hành chính của cơ quan có thẩm quyền hoặc tờ khai hải quan còn nợ chưa nộp NSNN.

- "Nộp vào tài khoản": Đánh dấu "V" vào cột tài khoản có liên quan.

Mẫu số: **01/HT-TB**
(*Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính*)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN **TÊN CƠ QUAN THUẾ THÔNG BÁO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../TB-...	..., *ngày... tháng... năm...*

THÔNG BÁO

Về việc chuyển hồ sơ sang diện kiểm tra trước, hoàn thuế sau

Cơ quan Thuế nhận được Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu NSNN số... ngày... tháng... năm... của... *(Tên người nộp thuế, mã số thuế)*... và hồ sơ gửi kèm theo.

Ngày cơ quan Thuế nhận được hồ sơ hoàn thuế:.../.../....

Ngày cơ quan Thuế thông báo hồ sơ hoàn thuế chưa đầy đủ thủ tục:.../.../...

Ngày cơ quan Thuế nhận được đủ hồ sơ hoàn thuế theo quy định:.../.../....

Căn cứ Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành, cơ quan Thuế thông báo hồ sơ đề nghị hoàn thuế của... *(Tên người nộp thuế)*... thuộc diện kiểm tra trước, hoàn thuế sau.

Lý do:... (*nêu rõ trường hợp thuộc diện kiểm tra trước khi hoàn thuế và giải thích nếu có*)...

Thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế là 40 ngày kể từ ngày cơ quan Thuế nhận được đủ hồ sơ theo quy định.

Nếu có vướng mắc, xin liên hệ với cơ quan Thuế để được giải đáp.

Số điện thoại:.....

Địa chỉ:...../.

Nơi nhận: - ... (*Tên người nộp thuế*)...; - .....; - Lưu VT,....	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Mẫu số: **02/HT-TB**
(*Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính*)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN **TÊN CƠ QUAN THUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../TB-...	..., *ngày... tháng... năm...*

THÔNG BÁO
Về việc không được hoàn thuế

Cơ quan Thuế nhận được Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu Ngân sách Nhà nước số... ngày... tháng... năm... của... *(Tên người nộp thuế, mã số thuế)*... và hồ sơ gửi kèm theo.

Căn cứ các Luật thuế, Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Cơ quan Thuế thông báo:

Hồ sơ hoàn thuế của...*(Tên người nộp thuế, mã số thuế)*... không thuộc đối tượng, trường hợp được hoàn thuế hoặc có số tiền thuế không được hoàn là..... đồng.

Cụ thể các trường hợp không được hoàn thuế như sau:

STT	Khoản thu đề nghị hoàn trả (loại thuế)	Thời gian phát sinh khoản đề nghị hoàn (Kỳ tính thuế)	Lý do đề nghị hoàn trả	Số tiền NNT đề nghị hoàn	Số tiền không được hoàn	Lý do không được hoàn	Xử lý chuyển khấu trừ tiếp	Số còn lại	Xử lý số còn lại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(6)-(8)	(10)
Cộng theo loại thuế, kỳ tính thuế và lý do đề nghị hoàn									
TỔNG CỘNG									

Nếu có vướng mắc, xin liên hệ với cơ quan Thuế để được giải đáp.
Số điện thoại:...
Địa chỉ:..../.

Nơi nhận:
- ... (*Tên người nộp thuế*)...;
- .....;
- Lưu VT,...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO
(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số: **01/QĐHT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN **TÊN CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-.....	....., *ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hoàn thuế

CHỨC DANH THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ các Luật thuế, Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số..... ngày.... tháng... năm..... của..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế/Cục Thuế/Chi cục Thuế;

Căn cứ vào Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu Ngân sách Nhà nước số... ngày... tháng... năm... kèm theo hồ sơ của:.... (*Tên người nộp thuế, mã số thuế*)...;

Theo đề nghị của.....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hoàn trả cho *(Ông/Bà/Tổ chức)*:.....
Mã số thuế:.....
Số CMND/Hộ chiếu..... ngày cấp:...../...../..... nơi cấp:.....
Địa chỉ:.....
Tổng số tiền thuế là:..... đồng
(bằng chữ:.....).
Trong đó: *Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam*

Số TT	Loại Thuế	Tiểu mục	Kỳ tính thuế	Số tiền thuế được hoàn	Lý do hoàn trả
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	...				
...	...				
Tổng cộng					

Hình thức hoàn trả:
☐ Chuyển khoản
Số tài khoản..... Tại ngân hàng (Kho bạc Nhà nước).....
☐ Tiền mặt
Nơi nhận tiền hoàn thuế: Kho bạc nhà nước.....

Điều 2. Trả tiền lãi cho thời gian...*(ghi rõ số ngày)*... chậm giải quyết hồ sơ hoàn thuế của cơ quan thuế là..... đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

.... (*Tên người nộp thuế*)..., ... (*Trưởng các bộ phận liên quan của cơ quan thuế*)... chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 3;
- KK,.....;
- Lưu: VT,.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số: **02/QĐHT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN **TÊN CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước

CHỨC DANH THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ các Luật thuế, Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số..... ngày... tháng... năm... của..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế/Cục Thuế/Chi cục Thuế;

Căn cứ vào Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu NSNN số... ngày... tháng... năm... kèm theo hồ sơ của:... (*Tên người nộp thuế, mã số thuế*)...;

Theo đề nghị của.....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hoàn trả cho *(Ông/Bà/Tổ chức)*:.....

Mã số thuế:.....

Số CMND/Hộ chiếu..... ngày cấp:...../...../..... nơi cấp:.....

Địa chỉ:.....

Tổng số tiền thuế là:..... đồng

(bằng chữ:.....).

Trong đó:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại thuế	Tiểu Mục	Kỳ tính thuế	Số tiền thuế được hoàn	Lý do hoàn trả
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	...				
...	...				
Cộng					

Điều 2. Phần bù trừ với các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước (NSNN)

STT	Loại thuế/ Khoản phạt	Cơ quan thu			Kỳ tính thuế	Quyết định thu/Tờ khai hải quan		Tài khoản bù trừ		Số tiền
		Cơ quan thuế	Cơ quan Hải quan	Cơ quan khác		Số	Ngày	NSNN	Tạm thu	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
									TỔNG CỘNG	

Điều 3. Phần còn lại được hoàn trả sau khi bù trừ với các khoản còn phải nộp Ngân sách Nhà nước:..... đồng (*Bằng chữ:*.....)

STT	Loại thuế	Tiểu mục	Kỳ tính thuế	Số tiền thuế được hoàn	Lý do hoàn trả
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	...				
...	...				
		Cộng			

Hình thức hoàn trả:

☐ Chuyển khoản

Số tài khoản..... Tại ngân hàng (KBNN).....

☐ Tiền mặt

Nơi nhận tiền hoàn thuế: Kho bạc nhà nước.....

Điều 4. Trả tiền lãi cho thời gian... *(ghi rõ số ngày)*... chậm giải quyết hồ sơ hoàn thuế của cơ quan thuế là..... đồng.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

... (*Tên người nộp thuế, mã số thuế*)..., ... (*Trưởng các bộ phận liên quan của cơ quan thuế*)... chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 5;
- KK,.....;
- Lưu: VT,.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú: *- NSNN: Ngân sách Nhà nước*
- KBNN: Kho bạc Nhà nước

Mẫu số: **01/KTTT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN **TÊN CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../TB-.....	....., *ngày..... tháng..... năm.....*

THÔNG BÁO
Về việc giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu

Kính gửi:..... (*tên người nộp thuế*).....
Mã số thuế:.....
Địa chỉ nhận thông báo:.....

Căn cứ quy định của pháp luật thuế hiện hành về trách nhiệm của người nộp thuế trong việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan thuế;

Để làm rõ các nội dung:

1.....

2.....

trong hồ sơ:.....;

(*Tên cơ quan thuế ra thông báo*)..... đề nghị..... (*tên người nộp thuế)*..... cử đại diện đến làm việc trực tiếp tại cơ quan thuế *(hoặc có văn bản)* để giải trình và bổ sung thông tin, tài liệu sau đây:

1.....

2.....

.....

.....

Thời gian làm việc:..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....

Địa điểm làm việc.....

(Hoặc văn bản giải trình, thông tin, tài liệu bổ sung gửi về cơ quan thuế..... trước ngày..... tháng..... năm.....)

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với cơ quan thuế..... theo số điện thoại:..... địa chỉ:.....

(Tên cơ quan thuế ra thông báo)..... thông báo để (*tên người nộp thuế*).... được biết và thực hiện./.

***Nơi nhận*:** - Như trên; - Lưu VT;....	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

NGƯỜI NỘP THUẾ NHẬN THÔNG BÁO

Ngày..... tháng..... năm.....

Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)

Ghi chú:

1. Phần các nội dung cần giải trình, bổ sung thông tin tài liệu cần ghi rõ thuộc hồ sơ thuế nào (khai thuế, miễn giảm, hay hoàn thuế....) và kỳ tính thuế.

2. Phần địa điểm làm việc cần ghi rõ tên phòng, bộ phận làm việc trực tiếp tại cơ quan thuế.

3. Trường hợp chuyển Thông báo trực tiếp đến người nộp thuế thì người nộp thuế ký xác nhận đã nhận Thông báo.

Mẫu số: **02/KTTT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013 /TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN LÀM VIỆC
Về việc giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu

Căn cứ Thông báo số...../TB-..... ngày..... tháng..... năm..... của... (*tên cơ quan thuế)*... về việc đề nghị người nộp thuế giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu.

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....
Tại: .....
Chúng tôi gồm:

I. Đại diện cơ quan thuế:
1. Ông/Bà:..... - Chức vụ:.....
2. Ông/Bà:..... - Chức vụ:.....

II. Người nộp thuế (hoặc đại diện hợp pháp của người nộp thuế):
Ông (bà): .....
CMND/hộ chiếu số: .....
Chức vụ:..... đại diện cho.... (*tên người nộp thuế*)..., Mã số thuế: .....
Địa chỉ: .....

III. Nội dung làm việc:
.....
.....
.....

IV. Các tài liệu người nộp thuế cung cấp bổ sung cho cơ quan thuế:
1.....
2.....
.....

V. Đề xuất và kiến nghị:
1. Các nội dung yêu cầu người nộp thuế thực hiện điều chỉnh theo quy định của pháp luật thuế:
.....
.....

2. Các nội dung chưa được làm rõ: .....
.....
.....

Biên bản này gồm có..... trang, được lập thành..... bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau. 01 bản được giao người nộp thuế.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký xác nhận vào từng trang của biên bản hoặc có ý kiến khác như sau:

Ý kiến bổ sung khác (nếu có): .....
.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ** *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN THUẾ** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

1. Việc giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu trực tiếp của người nộp thuế phải được thực hiện tại trụ sở cơ quan thuế.

2. Đối với các tài liệu người nộp thuế cung cấp bổ sung cho cơ quan thuế, người lập biên bản phải ghi rõ tên tài liệu, bản chính hay bản sao.

3. Người có ý kiến khác phải tự ghi ý kiến của mình vào văn bản, nêu rõ lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

Mẫu số: **03/KTTT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN **TÊN CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-.....	....., *ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc kiểm tra (hoặc thanh tra) thuế tại.... (*tên người nộp thuế*).....

CHỨC DANH THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành (nếu là cuộc thanh tra);

Căn cứ các Luật thuế, Pháp lệnh thuế, Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số..... ngày.../.../... của..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế/Cục thuế/Chi cục thuế;

Căn cứ Quyết định số..... ngày.../.../... của..... phê duyệt Kế hoạch.....; (*nếu là cuộc kiểm tra, thanh tra theo kế hoạch*)

Hoặc:

Căn cứ chỉ đạo của..... ngày.../.../... về việc....; (*nếu là cuộc kiểm tra, thanh tra đột xuất*)

Xét đề nghị của.....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiểm tra (hoặc thanh tra) thuế tại..... (*tên người nộp thuế*)..., Mã số thuế:..... về các nội dung sau:

- .....
- .....

Thời kỳ kiểm tra (hoặc thanh tra):.....

Điều 2. Thành lập Đoàn kiểm tra (hoặc thanh tra) để thực hiện nhiệm vụ ghi tại Điều 1 gồm có:

- Ông (bà)..... - Chức vụ..... - Trưởng đoàn;
- Ông (bà)..... - Chức vụ..... - Thành viên;
- Ông (bà)..... - Chức vụ..... - Thành viên;
- Ông (bà)..... - Chức vụ..... - .....

Thời hạn kiểm tra (hoặc thanh tra) là..... ngày làm việc, kể từ ngày công bố Quyết định kiểm tra (hoặc thanh tra).

Đoàn kiểm tra (hoặc thanh tra) có nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 80 (hoặc Điều 85) của Luật Quản lý thuế.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ông/bà/tổ chức được kiểm tra (hoặc thanh tra) có tên tại Điều 1 và Đoàn kiểm tra (hoặc thanh tra) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:** - Như Điều 3; - ..... - Lưu: VT; Bộ phận kiểm tra (hoặc thanh tra).	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KÝ QUYẾT ĐỊNH** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Mẫu số: **04/KTTT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH KIỂM TRA (HOẶC THANH TRA)
ĐOÀN KIỂM TRA (HOẶC THANH TRA)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA (HOẶC THANH TRA)

Tại:.....

Căn cứ Quyết định số..... ngày..... tháng..... năm..... của..... về việc kiểm tra (hoặc thanh tra) tại..... *(tên người nộp thuế)*;

Đoàn kiểm tra (hoặc thanh tra) đã tiến hành kiểm tra (hoặc thanh tra tại..... *(tên người nộp thuế)*...;

Thời kỳ kiểm tra (hoặc thanh tra):.....;

Hôm nay, ngày...../...../....., tại....., chúng tôi gồm:

1. Đoàn kiểm tra (hoặc thanh tra):

- Ông (bà)..... - Trưởng đoàn
- Ông (bà)..... - Thành viên
- Ông (bà)..... - Thành viên
- Ông (bà)..... - Thành viên

2. Người nộp thuế:

- Ông (bà)..... - Giám đốc.
- Ông (bà)..... - Kế toán trưởng.
- Ông (bà)..... - .....

Lập biên bản xác nhận kết quả kiểm tra (hoặc thanh tra) như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CHUNG CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ:

- Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... ngày...../...../..... do..... cấp.
- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:.....
- Hình thức hạch toán kế toán:.....
- Niên độ kế toán:.....
- Đăng ký kê khai nộp thuế tại:.....
- Hình thức kê khai nộp thuế Giá trị gia tăng:.....
- Mục lục Ngân sách: Cấp..... Chương..... Loại..... Khoản.....
- Tài khoản số:..... mở tại Ngân hàng (hoặc Tổ chức tín dụng).....
- Các đơn vị thành viên (nếu có): Các xí nghiệp, chi nhánh, cửa hàng *(Ghi rõ nơi đóng trụ sở, hình thức hạch toán; đến thời điểm kiểm tra (hoặc thanh tra) đã có xác nhận doanh thu, chi phí, nghĩa vụ nộp Ngân sách của cơ quan thuế địa phương nơi đặt trụ sở hay chưa).*

II. NỘI DUNG KIỂM TRA (HOẶC THANH TRA) TẠI TRỤ SỞ CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ:

STT	Chỉ tiêu	Số báo cáo của người nộp thuế	Số kiểm tra (hoặc thanh tra)	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	(Ghi các nội dung đã thực hiện kiểm tra, thanh tra)			

Giải trình số liệu chênh lệch qua kiểm tra (hoặc thanh tra): Ghi rõ nguyên nhân điều chỉnh tăng giảm từng khoản mục đã kiểm tra (hoặc thanh tra) nêu trên hoặc giải thích lại cách tính toán xác định số liệu phải điều chỉnh có liên quan (nếu có)

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC.

(Ghi các sắc thuế đã thực hiện kiểm tra, thanh tra)

STT	CHỈ TIÊU	Theo dõi tồn đọng năm trước			Theo dõi phát sinh				Tổng số còn phải nộp
		Kỳ trước chuyển sang	Số đã nộp cho tồn đọng	Số còn phải nộp kỳ trước chuyển sang	Phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã được hoàn hoặc miễn giảm trong kỳ	Số đã nộp cho phát sinh trong kỳ	Số còn phải nộp phát sinh trong kỳ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3)-(4)	(6)	(7)	(8)	(9) = (6)-(7)-(8)	(10) = (5)+(9)
1	Thuế GTGT								
2	Thuế TNDN								
3	Thuế TNCN								
4	Thuế TTĐB								
5	Thuế Tài nguyên								
6	Thuế Môn bài								
7	Thuế Nhà thầu								
	Trong đó: + Thuế GTGT								
	+ Thuế TNDN								
8	Thuế khác (Nếu có).								

Vi dụ

IV. KIẾN NGHỊ VÀ YÊU CẦU:

1. Kiến nghị:

- Về việc mở, ghi chép, hạch toán trên sổ sách kế toán và hóa đơn chứng từ:

.....

- Về việc kê khai thuế, nộp thuế:

.....

Ghi chú: Nếu có sai phạm phát hiện qua việc kiểm tra (hoặc thanh tra) phải nêu cụ thể vi phạm tại các quy định nào của các văn bản quy phạm pháp luật về thuế hiện hành. Xác định nguyên nhân vi phạm, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ (nếu phát hiện được).

2. Các yêu cầu:

- Nếu có số thuế phải truy thu thêm thì phải yêu cầu người nộp thuế nộp đầy đủ, kịp thời vào Tài khoản của cơ quan thuế khi có quyết định xử lý của cơ quan quản lý thuế.

- Nếu còn nợ đọng thuế phải yêu cầu người nộp thuế nộp ngay vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với các vi phạm về chế độ mở, ghi chép, hạch toán trên sổ sách kế toán và hóa đơn chứng từ phải yêu cầu người nộp thuế chấn chỉnh kịp thời.

- Kiến nghị về mức xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi vi phạm đã được phát hiện qua kiểm tra (hoặc thanh tra) đối với cơ quan (Bộ phận chức năng của cơ quan thuế) có thẩm quyền để ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm của người nộp thuế.

- Kiến nghị với các cơ quan (Bộ phận chức năng của cơ quan thuế) về các biện pháp, trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn đối với người nộp thuế.

- Các yêu cầu, kiến nghị hoặc ghi nhận khác (nếu có).

V. Ý KIẾN CỦA DOANH NGHIỆP (nếu có):.....
.....
.....

Biên bản được thông qua vào hồi..... giờ cùng ngày.

Biên bản gồm có..... trang, được lập thành..... bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau;...../.

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ** *Ký tên, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)*	**ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA** **(HOẶC THANH TRA)** **TRƯỞNG ĐOÀN** *(Ký, ghi rõ họ tên)*
KẾ TOÁN TRƯỞNG *(Ký, ghi rõ họ tên)*	

Mẫu số: **05/KTTT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH KIỂM TRA (hoặc THANH TRA) **ĐOÀN KIỂM TRA (hoặc THANH TRA)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN CÔNG BỐ QUYẾT ĐỊNH KIỂM TRA (HOẶC THANH TRA)

Căn cứ Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành (nếu là cuộc thanh tra);

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-..... ngày..... tháng..... năm..... của... (*tên cơ quan ra quyết định*)... về việc kiểm tra (hoặc thanh tra)..... tại..... (*tên người nộp thuế*)...;

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....

Tại:.....

Chúng tôi gồm:

I. Đoàn kiểm tra (hoặc thanh tra) thuế:

- Ông (bà)..... - Chức vụ..... - Trưởng đoàn;
- Ông (bà)..... - Chức vụ..... - Thành viên;
- Ông (bà)..... - Chức vụ..... - Thành viên;

II. Người nộp thuế (hoặc đại diện hợp pháp của người nộp thuế):

Ông (bà):.....

CMND/hộ chiếu số:.....

Chức vụ:..... đại diện cho.....

Ông (bà):.....

CMND/hộ chiếu số:.....

Chức vụ:.....

Người nộp thuế (hoặc đại diện hợp pháp người nộp thuế) đã được nghe Đoàn kiểm tra (hoặc thanh tra) công bố nội dung Quyết định số..... ngày..... tháng..... năm..... của... (*tên cơ quan ra quyết định*)..... về việc kiểm tra (hoặc thanh tra)..... tại... (*tên người nộp thuế*).....

Biên bản này gồm có..... trang, được lập thành..... bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau. 01 (một) bản được giao người nộp thuế.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký xác nhận vào từng trang của biên bản hoặc có ý kiến bổ sung khác (nếu có) như sau:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ *Ký tên, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)*	**ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA (HOẶC THANH TRA)** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

***Ghi chú*:** *Người có ý kiến khác phải tự ghi ý kiến của mình vào biên bản, nêu rõ lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.*

Mẫu số: **06/KTTT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH KIỂM TRA (HOẶC THANH TRA)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..../.....	....., *ngày..... tháng..... năm.....*

KẾT LUẬN KIỂM TRA THUẾ (THANH TRA THUẾ)
tại.....

Đoàn kiểm tra (hoặc thanh tra)..... đã tiến hành kiểm tra (thanh tra) tại..... (*tên người nộp thuế*)..... từ ngày..... đến ngày.....

Căn cứ biên bản kiểm tra (hoặc báo cáo kết quả thanh tra) ngày.... tháng..... năm... của Trưởng đoàn kiểm tra (hoặc thanh tra) theo quyết định số... ngày... của...
..... kết luận như sau:

A. Đặc điểm, tình hình chung của người nộp thuế:

- Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... ngày...../...../..... do..... cấp.
- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:.....
- Hình thức hạch toán kế toán:.....
- Niên độ kế toán:.....
- Đăng ký kê khai nộp thuế tại:.....
- Hình thức kê khai nộp thuế Giá trị gia tăng:.....
- Mục lục Ngân sách: Cấp..... Chương..... Loại..... Khoản.....
- Tài khoản số:..... mở tại Ngân hàng (hoặc Tổ chức tín dụng).....
- Các đơn vị thành viên (nếu có); các xí nghiệp, chi nhánh, cửa hàng *(Ghi rõ nơi đóng trụ sở, hình thức hạch toán; đến thời điểm kiểm tra, thanh tra đã có xác nhận doanh thu, chi phí, nghĩa vụ nộp Ngân sách của cơ quan thuế địa phương nơi đặt trụ sở các đơn vị thành viên (nếu có); các xí nghiệp, chi nhánh, cửa hàng hay chưa).*

B. Kết quả kiểm tra (hoặc thanh tra)

1. Về việc mở, ghi chép, hạch toán trên hóa đơn chứng từ và sổ sách kế toán.
2. Về việc khai thuế, nộp thuế.

(Cần đánh giá cụ thể về việc thực hiện pháp luật thuế của người nộp thuế được kiểm tra, thanh tra trong từng nội dung kiểm tra, thanh tra; xác định rõ tính chất, mức độ vi phạm, nguyên nhân, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ (nếu có) và ghi rõ căn cứ vào quy định nào trong các văn bản quy phạm pháp luật về thuế hiện hành).

C. Các yêu cầu và kiến nghị

- Nếu có số thuế phải truy thu thêm thì phải yêu cầu người nộp thuế nộp đầy đủ, kịp thời vào Ngân sách Nhà nước của cơ quan thuế khi có quyết định xử lý của cơ quan quản lý thuế (đối với kết luận thanh tra).

- Nếu có điều chỉnh giảm khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào, giảm lỗ, giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp thì phản ánh số liệu vào kết luận kiểm tra, kết luận thanh tra.

- Nếu còn nợ đọng thuế phải yêu cầu người nộp thuế nộp ngay vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với các vi phạm về chế độ mở, ghi chép, hạch toán trên sổ sách kế toán và hóa đơn chứng từ phải yêu cầu người nộp thuế chấn chỉnh kịp thời.

- Kiến nghị về mức xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi vi phạm đã được phát hiện qua kiểm tra (thanh tra) đối với cơ quan (Bộ phận chức năng của cơ quan thuế) có thẩm quyền để ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm của người nộp thuế (đối với kết luận kiểm tra, kết luận thanh tra).

- Doanh thu năm... trên 20 tỷ thì chuyển sang khai thuế giá trị gia tăng theo tháng kể từ năm...

- Kiến nghị với các cơ quan (Bộ phận chức năng của cơ quan thuế) về các biện pháp, trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn đối với người nộp thuế.

- Các yêu cầu, kiến nghị hoặc ghi nhận khác (nếu có).

***Nơi nhận*:**
- Người nộp thuế được kiểm tra (thanh tra);
- Trưởng đoàn kiểm tra (thanh tra);
- .....;
- Lưu: VT, Bộ phận kiểm tra (thanh tra).

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: **07/KTTT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN **TÊN CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../TB-.....	....., *ngày..... tháng..... năm.....*

THÔNG BÁO
Về việc cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ công tác thanh tra thuế

Kính gửi:..... (*tên tổ chức, cá nhân*).....
Mã số thuế:.....
Địa chỉ:.....

Căn cứ quy định của pháp luật thuế hiện hành về trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan thuế;

.... (*Tên cơ quan thuế*)..... yêu cầu..... (*tên tổ chức, cá nhân*)..... cung cấp các thông tin, tài liệu (kèm theo bản giải trình) sau đây:

1.....
2.....
.....

và gửi về.... (*tên cơ quan thuế*)..... địa chỉ:..... trước ngày..... tháng..... năm.....

Nếu có vướng mắc đề nghị..... liên hệ với... (*tên cơ quan thuế)...,* địa chỉ....., số điện thoại.....

Trường hợp không thể cung cấp được,..... (*tên tổ chức, cá nhân*)..... phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do và gửi về cơ quan thuế trong thời hạn nêu trên.

.... (*Tên cơ quan thuế*)..... thông báo để... (*tên tổ chức, cá nhân*)..... được biết và thực hiện./.

***Nơi nhận*:** - Như trên; - Lưu VT; bộ phận thanh tra.	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

NGƯỜI ĐƯỢC YÊU CẦU CUNG CẤP NHẬN THÔNG BÁO
Ngày..... tháng..... năm.....
Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)

Ghi chú: *Trường hợp chuyển Thông báo trực tiếp đến người nộp thuế thì người nộp thuế ký xác nhận đã nhận Thông báo.*

Mẫu số: **08/KTTT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO

Số:...../TB-.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO
Về việc cung cấp thông tin bằng trả lời trực tiếp phục vụ công tác thanh tra thuế

Kính gửi: (*tên tổ chức, cá nhân*).....
Mã số thuế:.....
Địa chỉ:.....

Căn cứ quy định của pháp luật thuế hiện hành về trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan thuế, yêu cầu..... (*tên tổ chức, cá nhân*)..... đến trụ sở... (*tên cơ quan thuế*)..... để cung cấp thông tin về.....

Thời gian:..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....

Địa điểm:.....

Tài liệu mang theo:

1.....

2.....

.....

Nếu có vướng mắc đề nghị... (*tên tổ chức, cá nhân*)... liên hệ với... (*tên cơ quan thuế*)... theo địa chỉ....., số điện thoại.....

Trường hợp không thể cung cấp được,... (*tên tổ chức, cá nhân*)... phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do và gửi về cơ quan thuế trước ngày... tháng... năm....

... (*Tên cơ quan thuế*)... thông báo để... (*tên tổ chức, cá nhân*)... được biết và thực hiện./.

***Nơi nhận*:**
- Như trên;
- .....;
- Lưu: VT; bộ phận thanh tra.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

NGƯỜI ĐƯỢC YÊU CẦU CUNG CẤP NHẬN THÔNG BÁO
Ngày.... tháng..... năm...
Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)

Ghi chú: *Trường hợp chuyển Thông báo trực tiếp đến người nộp thuế thì người nộp thuế ký xác nhận đã nhận Thông báo.*

Mẫu số: **09/KTTT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN **TÊN CƠ QUAN THUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN LÀM VIỆC
Về việc cung cấp thông tin

Căn cứ Thông báo số.../TB-... ngày.... tháng... năm... của... (*tên cơ quan thuế*)..... về việc yêu cầu cung cấp thông tin bằng trả lời trực tiếp phục vụ công tác thanh tra thuế.

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....

Tại:.....

I. Đại diện cơ quan thuế:

Ông/Bà:..... - Chức vụ:.....

Ông/Bà:..... - Chức vụ:.....

II. Người cung cấp thông tin:

Ông (bà):.....

CMND/hộ chiếu số:.....

Chức vụ:..... đại diện cho... (*tên tổ chức/cá nhân*).....

- Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

III. Nội dung làm việc:

.....

.....

IV. Các tài liệu người cung cấp thông tin cung cấp cho cơ quan thuế:

1.....

2.....

Biên bản này gồm có..... trang, được lập thành..... bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau. 01 (một) bản được giao cho người cung cấp thông tin.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký xác nhận vào từng trang của biên bản hoặc có ý kiến bổ sung khác (nếu có) như sau:.....

NGƯỜI CUNG CẤP THÔNG TIN *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**CÔNG CHỨC THUẾ** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

1. Việc thu thập thông tin phải được thực hiện tại trụ sở cơ quan thuế.

2. Phần nội dung làm việc cần ghi đầy đủ các câu hỏi và các câu trả lời trong buổi làm việc.

3. Đối với các tài liệu người cung cấp thông tin cung cấp cho cơ quan thuế, người lập biên bản phải ghi rõ tên tài liệu, bản chính, bản sao.

4. Người có ý kiến khác phải tự ghi ý kiến của mình vào biên bản, nêu rõ lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

Mẫu số: **10/KTTT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH hoặc ĐOÀN THANH TRA...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tạm giữ tiền, đồ vật, giấy phép
liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế

CHỨC DANH NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-..... ngày..... của..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế/Cục thuế/Chi cục thuế;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-..... ngày..... tháng..... năm..... của..... về việc thanh tra..... tại .....;

Xét đề nghị của .....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm giữ tiền, đồ vật, giấy phép liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế của:

Ông/bà/tổ chức:..... - Mã số thuế: .....

Giấy CMND/Hộ chiếu/Chứng nhận đăng ký kinh doanh/Chứng nhận đăng ký hoạt động số:..... do..... cấp ngày .....

Địa chỉ: .....

Tiền, đồ vật, giấy phép bị tạm giữ bao gồm:

1 .....

2 .....

(hoặc Danh mục tiền, đồ vật, giấy phép bị tạm giữ được ban hành kèm theo Quyết định này).

Thời hạn tạm giữ: .....

Hình thức tạm giữ: .....

Điều 2. Người thực hiện tạm giữ: .....

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ông/bà/tổ chức có tên tại Điều 1, Điều 2 và Đoàn thanh tra..... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 3;
- .....;
- Lưu: VT; Bộ phận thanh tra.

CHỨC DANH NGƯỜI KÝ QUYẾT ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: *Về hình thức tạm giữ ghi rõ niêm phong tại chỗ hay đưa đến nơi tạm giữ khác (ghi rõ nơi để tiền, đồ vật, giấy phép bị tạm giữ).*

Mẫu số: **11/KTTT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính

TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH THANH TRA
ĐOÀN THANH TRA.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN TẠM GIỮ TIỀN, ĐỒ VẬT, GIẤY PHÉP LIÊN QUAN ĐẾN HÀNH VI TRỐN THUẾ, GIAN LẬN THUẾ

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-..... ngày.... tháng..... năm..... của..... về việc thanh tra..... tại.....;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-.... ngày.... tháng..... năm.... của..... về việc tạm giữ tiền, đồ vật, giấy phép liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế;

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....

Tại: .....

Chúng tôi gồm:

A. Đoàn thanh tra:

1. Ông/Bà..... - Chứcvụ: .....;

2. Ông/Bà..... - Chứcvụ: .....;

.....

B. Người có tiền, đồ vật, giấy phép liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế bị tạm giữ là:

Ông (bà)/tổ chức:..... - Mã số thuế: .....;

Giấy CMND/Hộ chiếu/Chứng nhận đăng ký kinh doanh/Chứng nhận đăng ký hoạt động số:..... do..... cấp ngày .....

Địa chỉ: .....

C. Tổ chức, cá nhân chứng kiến:

1. Ông (bà)..... Nghề nghiệp:.....;

Giấy CMND/hộ chiếu số:.....; Ngày cấp:.....; Nơi cấp: .....;

Địa chỉ thường trú: .....;

2. Ông (bà)..... Nghề nghiệp:.....;

Giấy CMND/hộ chiếu số:.....; Ngày cấp:.....; Nơi cấp: .....;

Địa chỉ thường trú: .....;

Tiến hành lập biên bản tạm giữ tiền, đồ vật, giấy phép liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế gồm:

STT	Tên tiền, đồ vật, giấy phép	Số lượng	Chủng loại, tình trạng tiền, đồ vật, giấy phép	Ghi chú
1	(chi tiết theo từng loại)			
2	.....			
....	.....			

Số tiền, đồ vật, giấy phép nêu trên được niêm phong tại.... (ghi rõ nơi niêm phong)... (trong trường hợp tiền, đồ vật, giấy phép cần được niêm phong).

Ngoài những tiền, đồ vật, giấy phép nêu trên, chúng tôi không tạm giữ (niêm phong) thêm thứ gì khác.

Biên bản này gồm có..... trang, được lập thành..... bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau. 01 (một) bản được giao cho cá nhân/tổ chức có tiền, đồ vật, giấy phép bị tạm giữ.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký xác nhận vào từng trang của biên bản hoặc có ý kiến bổ sung khác (nếu có) như sau:.....

NGƯỜI THỰC HIỆN TẠM GIỮ
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI (HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC) CÓ TIỀN, ĐỒ VẬT, GIẤY PHÉP BỊ TẠM GIỮ
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Trong trường hợp tiền, đồ vật, giấy phép cần được niêm phong nhưng người có tiền, đồ vật, giấy phép vắng mặt)
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN
(Trong trường hợp tiền, đồ vật, giấy phép cần được niêm phong nhưng người có tiền, đồ vật, giấy phép vắng mặt)
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

1. Trường hợp trong số những người chứng kiến có đại diện chính quyền địa phương thì phải ghi rõ họ tên và chức vụ.

2. Trong Bảng kê tiền, đồ vật, giấy phép bị tạm giữ cần ghi chú rõ tiền, đồ vật, giấy phép có được niêm phong không, nếu có niêm phong thì trên niêm phong phải có chữ ký của người (hoặc đại diện tổ chức) có tiền, đồ vật, giấy phép bị tạm giữ, có sự chứng kiến của đại diện gia đình hay đại diện chính quyền không, nếu không có phải ghi rõ có sự chứng kiến của ông (bà)...

3. Người có ý kiến khác phải tự ghi ý kiến của mình vào văn bản, nêu rõ lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

Mẫu số: **12/KTTT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH hoặc ĐOÀN THANH TRA...

Số:...../QĐ-.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xử lý tiền, đồ vật, giấy phép bị tạm giữ

CHỨC DANH NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-..... ngày..... tháng.... năm..... của..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế/Cục thuế/Chi cục thuế;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-.....ngày.... tháng.... năm..... của..... về việc thanh tra..... tại.....;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-... ngày.... tháng... năm..... của..... về việc tạm giữ tiền, đồ vật, giấy phép liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế;

Căn cứ Biên bản tạm giữ tiền, đồ vật, giấy phép liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế lập ngày..... tháng..... năm.....;

Xét đề nghị của.....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử lý các loại tiền, đồ vật, giấy phép tạm giữ liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế của ông/bà/tổ chức..... - Mã số thuế..... như sau:

.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ông/bà/tổ chức có tên tại Điều 1 và Đoàn thanh tra..... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 2;
- .....;
- Lưu VT, Bộ phận thanh tra.

CHỨC DANH NGƯỜI KÝ QUYẾT ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: *Tại Điều 1 cần ghi rõ từng loại tiền, đồ vật, giấy phép xử lý theo biện pháp nào (tổ chức bán, tịch thu hoặc trả lại).*

Mẫu số: **13/KTTT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính

TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH THANH TRA
ĐOÀN THANH TRA.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN TRẢ LẠI TIỀN, ĐỒ VẬT, GIẤY PHÉP BỊ TẠM GIỮ

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-..... ngày..... tháng..... năm..... của..... về việc thanh tra..... tại.....;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-... ngày..... tháng..... năm..... của..... về việc tạm giữ tiền, đồ vật, giấy phép liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-... ngày..... tháng..... năm..... của..... về việc xử lý tiền, đồ vật, giấy phép bị tạm giữ;

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....

Tại:.....

Chúng tôi gồm:

A. Đoàn thanh tra:

1. Ông/Bà..... - Chức vụ:.....;

2. Ông/Bà..... - Chức vụ:.....;

.....

B. Người có tiền, đồ vật, giấy phép bị tạm giữ được hoàn trả là:

Ông (bà)/tổ chức:..... - Mã số thuế:.....;

Giấy CMND/Hộ chiếu/Chứng nhận đăng ký kinh doanh/Chứng nhận đăng ký hoạt động số:..... do..... cấp ngày.....

Địa chỉ: .....

C. Tổ chức, cá nhân chứng kiến:

1. Ông/Bà..... Nghề nghiệp:.....;

Giấy CMND/hộ chiếu số:.....; Ngày cấp:.....; Nơi cấp:.....;

Địa chỉ thường trú: .....;

2. Ông/Bà..... Nghề nghiệp: .....;

Giấy CMND/hộ chiếu số:.....; Ngày cấp:.....; Nơi cấp:.....;

Địa chỉ thường trú: .....;

Tiến hành lập biên bản hoàn trả tiền, đồ vật, giấy phép bị tạm giữ gồm:

STT	Tên tiền, đồ vật, giấy phép	Số lượng	Chủng loại, tình trạng tiền, đồ vật, giấy phép	Ghi chú
1	(chi tiết theo từng loại)			
2	.....			
....	.....			

Biên bản này gồm có..... trang, được lập thành..... bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau. 01 (một) bản được giao cho cá nhân/tổ chức có tiền, đồ vật, giấy phép được trả lại.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký xác nhận vào từng trang biên bản hoặc có ý kiến bổ sung khác (nếu có) như sau:.....

NGƯỜI THỰC HIỆN HOÀN TRẢ TIỀN, ĐỒ VẬT, GIẤY PHÉP
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI (HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC) CÓ TIỀN, ĐỒ VẬT, GIẤY PHÉP ĐƯỢC HOÀN TRẢ
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ (nếu có)

Ghi chú:

1. Trường hợp trong số những người chứng kiến có đại diện chính quyền địa phương thì phải ghi rõ họ tên và chức vụ.

2. Trong Bảng kê tiền, đồ vật, giấy phép trả lại cần ghi chú rõ tiền, đồ vật, giấy phép có được niêm phong không và tình trạng niêm phong.

3. Người có ý kiến khác phải tự ghi ý kiến của mình vào biên bản, nêu rõ lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

Mẫu số: **14/KTTT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN **TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc niêm phong tài liệu
liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế

CHỨC DANH THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-..... ngày.... tháng.... năm..... của..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế/Cục thuế/Chi cục thuế;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-..... ngày..... tháng..... năm..... của..... về việc thanh tra..... tại.....;

Xét đề nghị của.....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Niêm phong tài liệu liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế của:

Ông/bà/tổ chức:..... - Mã số thuế:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu/Chứng nhận đăng ký kinh doanh/Chứng nhận đăng ký hoạt động số:..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Địa chỉ:.....

Các tài liệu niêm phong bao gồm:

1.....

2.....

(*hoặc Danh mục các tài liệu bị niêm phong được ban hành kèm theo Quyết định này*).

Thời hạn tạm giữ:.....

Hình thức tạm giữ:.....

Điều 2. Người thực hiện tạm giữ:.....

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ông/bà/tổ chức có tên tại Điều 1, Điều 2 và Đoàn thanh tra..... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:** - Như Điều 3; - .....; - Lưu: VT; Bộ phận thanh tra.	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KÝ QUYẾT ĐỊNH** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Ghi chú: *ghi rõ nơi để tài liệu bị niêm phong.*

Mẫu số: **15/KTTT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH THANH TRA
ĐOÀN THANH TRA.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NIÊM PHONG TÀI LIỆU LIÊN QUAN ĐẾN HÀNH VI TRỐN THUẾ, GIAN LẬN THUẾ

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-..... ngày..... tháng..... năm..... của..... về việc thanh tra..... tại .....;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-..... ngày..... tháng..... năm..... của..... về việc niêm phong tài liệu liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế;

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....

Tại: .....

Chúng tôi gồm:

A. Đoàn thanh tra:

1. Ông/Bà..... - Chức vụ: .....;

2. Ông/Bà..... - Chức vụ: .....;

.....

B. Người có tài liệu liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế bị niêm phong là:

Ông (bà)/tổ chức:..... - Mã số thuế: .....;

Giấy CMND/Hộ chiếu/Chứng nhận đăng ký kinh doanh/Chứng nhận đăng ký hoạt động số:..... do..... cấp ngày .....

Địa chỉ: .....

C. Tổ chức, cá nhân chứng kiến:

1. Ông (bà)..... Nghề nghiệp:.....;

Giấy CMND/hộ chiếu số:.....; Ngày cấp:.....; Nơi cấp: .....;

Địa chỉ thường trú: .....;

2. Ông (bà)..... Nghề nghiệp:.....;

Giấy CMND/hộ chiếu số:.....; Ngày cấp:.....; Nơi cấp: .....;

Địa chỉ thường trú: .....;

Tiến hành lập biên bản niêm phong tài liệu liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế gồm:

STT	Tên tài liệu	Số lượng	Chủng loại, tình trạng tài liệu	Ghi chú

Ngoài những tài liệu nêu trên, chúng tôi không niêm phong thêm thứ gì khác.

Biên bản này gồm có..... trang, được lập thành..... bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau. 01 (một) bản được giao cho cá nhân/tổ chức có tài liệu bị niêm phong.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký xác nhận vào từng trang của biên bản hoặc có ý kiến bổ sung khác (nếu có) như sau:.....

NGƯỜI THỰC HIỆN NIÊM PHONG
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI (HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC) CÓ TÀI LIỆU BỊ NIÊM PHONG
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Trong trường hợp tiền, đồ vật, giấy phép cần được niêm phong nhưng người có tiền, đồ vật, giấy phép vắng mặt)
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN
(Trong trường hợp tiền, đồ vật, giấy phép cần được niêm phong nhưng người có tiền, đồ vật, giấy phép vắng mặt)
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ (nếu có)

Ghi chú:

1. Trường hợp trong số những người chứng kiến có đại diện chính quyền địa phương thì phải ghi rõ họ tên và chức vụ.

2. Người có ý kiến khác phải tự ghi ý kiến của mình vào biên bản, nêu rõ lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

Mẫu số: **16/KTTT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN **TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc kiểm kê tài sản
liên quan đến hoạt động kiểm tra (hoặc thanh tra)

CHỨC DANH THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành (nếu là cuộc thanh tra);

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-..... ngày.... tháng..... năm.... của..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế/Cục thuế/Chi cục thuế;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-..... ngày..... tháng..... năm..... của..... về việc kiểm tra (hoặc thanh tra)..... tại .....;

Xét đề nghị của .....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiểm kê tài sản liên quan đến hoạt động kiểm tra (hoặc thanh tra) của:

Ông/bà/tổ chức:..... - Mã số thuế:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu/Chứng nhận đăng ký kinh doanh/Chứng nhận đăng ký hoạt động số:..... do..... cấp ngày..... tháng.... năm.....

Địa chỉ:.....

Các tài sản kiểm kê bao gồm:

1.....

2.....

(hoặc Danh mục các tài sản bị kiểm kê được ban hành kèm theo Quyết định này).

Thời gian kiểm kê: .....

Hình thức kiểm kê:.....

Điều 2. Người thực hiện kiểm kê: .....

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ông/bà/tổ chức có tên tại Điều 1, Điều 2 và Đoàn kiểm tra (hoặc thanh tra)..... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:** - Như Điều 3; - .....; - Lưu: VT; Bộ phận kiểm tra, thanh tra.	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KÝ QUYẾT ĐỊNH** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Ghi chú: *ghi rõ nơi để tài liệu bị kiểm kê*

Mẫu số: **17/KTTT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH KIỂM TRA (THANH TRA)
ĐOÀN KIỂM TRA (HOẶC THANH TRA)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA (HOẶC THANH TRA)

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-..... ngày..... tháng..... năm..... của..... về việc kiểm tra (hoặc thanh tra)..... tại.....;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-..... ngày..... tháng..... năm..... của..... về việc kiểm kê tài sản liên quan đến hoạt động kiểm tra, thanh tra;

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....

Tại: .....

Chúng tôi gồm:

A. Đoàn thanh tra (kiểm tra):

1. Ông/Bà..... - Chức vụ: .....;

2. Ông/Bà..... - Chức vụ: .....;

.....

B. Người có tài sản liên quan đến hoạt động kiểm tra, thanh tra bị kiểm kê là:

Ông (bà)/tổ chức:..... - Mã số thuế: .....;

Giấy CMND/Hộ chiếu/Chứng nhận đăng ký kinh doanh/Chứng nhận đăng ký hoạt động số:..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Địa chỉ: .....

C. Tổ chức, cá nhân chứng kiến:

1. Ông (bà)..... Nghề nghiệp:.....;

Giấy CMND/hộ chiếu số:.....; Ngày cấp:.....; Nơi cấp: .....;

Địa chỉ thường trú: .....;

2. Ông (bà)..... Nghề nghiệp:.....;

Giấy CMND/hộ chiếu số:.....; Ngày cấp:.....; Nơi cấp: .....;

Địa chỉ thường trú: .....;

Tiến hành lập biên bản kiểm kê tài sản liên quan đến hoạt động kiểm tra (hoặc thanh tra) gồm:

STT	Tên tài sản	Số lượng	Chủng loại, tình trạng tài sản	Ghi chú
	(chi tiết theo từng loại)			

Ngoài những tài sản nêu trên, chúng tôi không niêm phong thêm thứ gì khác.

Biên bản này gồm có..... trang, được lập thành..... bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau. 01 (một) bản được giao cho cá nhân/tổ chức có tài sản bị niêm phong.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký xác nhận vào từng trang của biên bản hoặc có ý kiến bổ sung khác (nếu có) như sau:.....

NGƯỜI THỰC HIỆN KIỂM KÊ
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI (HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC) CÓ TÀI SẢN BỊ KIỂM KÊ
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ (nếu có)

Ghi chú:

1. Trường hợp trong số những người chứng kiến có đại diện chính quyền địa phương thì phải ghi rõ họ tên và chức vụ.

2. Người có ý kiến khác phải tự ghi ý kiến của mình vào biên bản, nêu rõ lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

Mẫu số: **18/KTTT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-..... *....., ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc gia hạn thời hạn kiểm tra (hoặc thanh tra) tại.....

CHỨC DANH THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ các Luật thuế, Pháp lệnh thuế, Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Quyết định số...../QĐ-..... ngày.... tháng..... năm... của..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế/Cục thuế/Chi cục thuế;

- Căn cứ Quyết định số...../QĐ-..... ngày..... tháng..... năm..... của..... về việc kiểm tra (hoặc thanh tra) thuế tại..... (*tên người nộp thuế*)....;

- Xét đề nghị của Trưởng đoàn kiểm tra (hoặc thanh tra) thuế;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Gia hạn thời hạn kiểm tra (hoặc thanh tra) thuế của Đoàn kiểm tra (hoặc thanh tra) theo Quyết định số...../QĐ-..... ngày... tháng... năm..... của..... về việc kiểm tra (hoặc thanh tra) thuế tại..... (*tên người nộp thuế*)....., mã số thuế.....

Thời gian gia hạn là.... ngày kể từ ngày...../...../.... đến ngày...../...../....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ông/bà/tổ chức được kiểm tra (thanh tra) có tên tại Điều 1 và Đoàn kiểm tra (hoặc thanh tra) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 2;
- .....;
- Lưu: VT, Bộ phận kiểm tra (thanh tra).

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: **19/KTTT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bãi bỏ quyết định kiểm tra (hoặc thanh tra) tại.... *(tên người nộp thuế)*

CHỨC DANH THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ các Luật thuế, Pháp lệnh thuế, Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số..... ngày.... tháng.... năm..... của..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế/Cục thuế/Chi cục thuế;

Xét đề nghị của.....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ Quyết định số..../QĐ-.... ngày.... tháng... năm.... của..... về việc kiểm tra (hoặc thanh tra) tại.... *(tên người nộp thuế)*..., mã số thuế.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ông/bà/tổ chức được kiểm tra (hoặc thanh tra) có tên tại Điều 1 và Đoàn kiểm tra (hoặc thanh tra) theo Quyết định số...../QĐ-..... ngày... tháng... năm.... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 2;
- ... (tên CQ chủ quản cấp trên của người nộp thuế được kiểm tra, thanh tra)...;
- .....;
- Lưu: VT, Bộ phận kiểm tra (hoặc thanh tra).

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: **20/KTTT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xử lý vi phạm về thuế
qua kiểm tra (hoặc thanh tra) việc chấp hành pháp luật thuế

CHỨC DANH THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành (nếu là cuộc thanh tra);

Căn cứ các Luật thuế, Pháp lệnh thuế, Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số..../QĐ-.... ngày... tháng.... năm.... của..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế/Cục thuế/Chi cục thuế;

Căn cứ kiến nghị tại Biên bản kiểm tra (hoặc thanh tra) thuế ký ngày..... tháng..... năm..... tại..... của Đoàn kiểm tra (hoặc thanh tra) của..... theo Quyết định số...../QĐ-.... ngày... tháng.... năm..... của..... về việc kiểm tra (hoặc thanh tra) thuế tại... (*tên người nộp thuế*).....;

Xét đề nghị của.....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử lý vi phạm về thuế theo kết quả kiểm tra (hoặc thanh tra) đối với..... *(Tên người nộp thuế)*..,... mã số thuế....., thời kỳ kiểm tra (thanh tra) từ... đến...,

1. Truy thu thuế là:..... đồng (*bằng chữ:*.....) (trong đó: chi tiết theo từng loại thuế và số tiền thuế)

{Trường hợp có điều chỉnh giảm khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào, giảm lỗ, giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp qua kiểm tra (hoặc thanh tra) thì phản ánh số liệu vào Quyết định này}

2. Phạt (nếu có, chi tiết theo hành vi và số tiền phạt):

3. Doanh thu năm là:..... trên 20 tỷ đồng đơn vị chuyển sang khai thuế GTGT theo tháng kể từ năm.....

Điều 2.... *(Tên người nộp thuế)*....) có trách nhiệm nộp số tiền thuế truy thu và tiền phạt theo quy định tại Điều 1 vào tài khoản:

1. Đối với số tiền thuế truy thu: nộp vào tài khoản..... của..... mở tại Kho bạc Nhà nước.....

2. Đối với số tiền phạt: nộp vào tài khoản..... của..... mở tại Kho bạc Nhà nước.....

3. Thời hạn nộp: Trong 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu nộp chậm sẽ phải nộp tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ông/bà/tổ chức được kiểm tra (thanh tra) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 3;
- Các đơn vị có liên quan (KK, PC,...);
- Lưu: VT, Bộ phận kiểm tra (hoặc thanh tra).

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:
- Số tiền thuế truy thu và tiền phạt được nộp vào tài khoản riêng của từng cơ quan thuế mở tại kho bạc nhà nước

Mẫu số: **21/KTTT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đoàn thanh tra theo Quyết định số:..../QĐ-..... ngày.../..../.... của.....
Ngày công bố Quyết định thanh tra:.../.../....

BÁO CÁO TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN THANH TRA
Lần:....
(Từ ngày.../tháng/năm.... đến ngày..../tháng/năm.....)

Tại:..... (*Tên người nộp thuế*).....
Mã số thuế:.....

STT	Nội dung
I	**Các công việc đã triển khai:** ....
II	**Các công việc đã hoàn thành:** ....
III	**Các công việc đang tiến hành:** ....
IV	**Các công việc thực hiện trong thời gian tới:** ....
III	**Vướng mắc; Kiến nghị, đề xuất:** ....

...., ngày.... tháng.... năm....
TRƯỞNG ĐOÀN THANH TRA
(Ký và ghi rõ họ tên)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng